

4. 年中行事内容

【第01講】正月

【Bài giảng số 01】Tết Nhật Bản

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ **Đọc thành tiếng đoạn văn sau.**

正月（1月）は、新しい年の始まりを祝う月です。そして、この月の最初の日である1月1日を^{がんにつ}元日と言い、元日は国民の祝日です。この元日から1月3日までの間、多くの人が神社や寺に行き、神仏に感謝したり幸運を祈願したりします。これを^{はつもうで}初詣と言います。また、子供は、親や祖父母等からお年玉を貰うことを楽しみにし、^{たこあ}凧揚げ・羽根突き・^{こま}独楽回し等の正月遊びに興じたりします。この1～3日を三が日と言い、多くの家庭では、めでたいとされる食材を使った^{おまつち}御節料理を食べたり仕事を休んで家でのおんびりと過したりします。1月7日には7種の野菜を採り入れた^{がゆ}七草粥を食べる慣習があり、それが疲れた胃腸を整えたと考えられています。そして、この1月7日から15日までの間に正月祝いの^{まつり}松飾りを外し、正月気分から抜け出すためのけじめをつけます。



Tháng Tết - Shogatsu (tháng 1), là tháng chúc mừng sự khởi đầu của một năm mới. Ngày đầu tháng này - ngày 1/1 gọi là **Ganjitsu** và được coi là **ngày nghỉ lễ quốc gia**. Từ Ganjitsu đến ngày 3/1, nhiều người có thói quen đi lễ đền, chùa để tạ ơn Thần Phật và cầu may mắn. Tập quán này gọi là **Hatsumode** (Đi lễ đầu năm). Vào ngày Tết, trẻ con háo hức chờ nhận **tiền mừng tuổi** từ ông bà, cha mẹ và thích các **trò chơi Tết** như **thả diều, đánh cầu lông truyền thống hay quay gụ...** Từ ngày 1 đến ngày 3/1 gọi là **Sanganichi** (3 ngày Tết), tại nhiều gia đình tổ chức ăn cỗ **Osechi Ryori** (món ăn ngày Tết), thời gian này họ được nghỉ làm nên ở nhà nghỉ ngơi, thư giãn. Vào ngày 7/1, người Nhật có tập quán ăn **Nanakusa Gayu** - món cháo nấu với 7 loại thảo dược được cho là có thể giúp cân bằng đường ruột. Từ ngày 7 đến ngày 15/1, gỡ bỏ **Cây Tùng trang trí** mừng năm mới để kết thúc không khí Tết.

◇ 年賀状

◇ Thiệp chúc Tết

年賀状は、新年の祝いを書いて各所に送る葉書です。現代では、それが相手に元日に届くよう、12月下旬に投函するのが一般的です。年賀状は本来、1月2日の^ぞ書き初めの際に筆で^{したた}認めるものでしたが、現在は印刷されたものに万年筆やペンで添え書きして送ることが多くなりました。



Thiệp chúc Tết (Nengajo) là bưu thiếp có ghi lời chúc mừng năm mới và được gửi đến các địa chỉ. Gần đây, để thiệp đến tay người nhận vào đúng ngày đầu năm mới, thường người ta sẽ gửi chúng vào cuối tháng 12. Thiệp chúc Tết xưa vốn được ghi bằng bút lông vào dịp **khai bút đầu năm** (Kakizome) ngày 2/1, tuy nhiên hiện nay việc sử dụng loại bút máy hoặc bút bi viết vào bưu thiếp in sẵn rồi gửi đi ngày càng trở nên phổ biến.

◇ 雑煮

◇ Súp Zoni

雑煮は、正月の三が日に食べる御節料理の一種です。漆器等の椀の中に、醤油や味噌で作ったつゆと、餅・鶏肉・青味（小松菜・菠薐草等）・色気（人参・蒲鉾・海老等）・香り（柚子・三ツ葉等）等の様々な具が入っています。つゆや具の内容は各地域によって個性があるため、生れ育った土地を離れて他の地域で生活する人にとって「故郷の味」です。



Súp Zoni là một món ăn Tết trong 3 ngày đầu năm mới. Trong một bát súp Zoni (thường là bát bằng sơn mài...) sẽ gồm nước súp nấu bằng shoyu (mắm Nhật) hoặc miso (tương Nhật) và nhiều thành phần khác như: Bánh dày, thịt gà, màu xanh (cải xanh, rau chân vịt...), màu sắc (cà rốt, chả cá kamaboko, tôm...), hương vị (thanh yên, rau ngò...). Hương vị nước súp, nguyên liệu sử dụng của mỗi vùng miền đều có một đặc trưng riêng, đó chính là “Hương vị quê nhà” đối với những người sinh sống xa quê.

◇ 鏡開き

◇ Nghi lễ Kagami Biraki

鏡開きは、正月に神仏に供えるために飾った鏡餅を下げ、それを割って食べる1月中旬の行事です。鏡餅は、その平らな円形状が昔の鏡に似ているためそのように呼ばれますが、二段重ねで飾るのが通例です。この行事自体をそのまま表現すれば「鏡割り」ですが、「割る」という言葉が縁起が悪いと考えられたため「開く」が用いられるようになりました。



Nghi lễ Kagami Biraki (Mở gương) là nghi lễ diễn ra vào giữa tháng 1, người ta sẽ hạ bánh Kagami Mochi (bánh dày gương) đã dâng cúng phật vào năm mới xuống, sau đó đập nhỏ ra ăn. Sở dĩ Kagami Mochi được gọi là bánh dày gương vì nó có hình tròn giống chiếc gương ngày xưa, bánh này thường được trang trí 2 tầng. Đúng ra nghi lễ này gọi là “Đập vỡ gương”, nhưng do từ “Đập vỡ” được coi là điềm xấu nên sau này được chuyển thành từ “Mở”.

【第02講】成人の日

【Bài giảng số 02】 Lễ Thành nhân

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

成人の日は、少年少女が成人になったことを祝い励ます国民の祝日で、1月第2月曜日です。昭和23年（1948年）制定当時は1月15日でしたが、平成12年（2000年）から現行日に変わりました。この日には、全国各地で多彩な**成人式**が行われます。このような行事を**通過儀礼**と言い、生れてから死ぬまでの間の節目になる日を記念しています（高齢者の長寿祝い等も通過儀礼です）。また、成年（20歳）に達すると、飲酒・喫煙・選挙権等が認められます。ただし、選挙権は平成28年（2016年）7月以降、18歳に引き下げられました。



Lễ Thành nhân (Seijin no Hi) là ngày nghỉ lễ quốc gia chúc mừng, động viên các thiếu niên, thiếu nữ đã trở thành người lớn, tổ chức vào Thứ 2 tuần thứ 2 của tháng 1. Năm Showa (Chiêu Hòa) 23 (năm 1948), ấn định ngày này là 15/1, nhưng từ năm Heisei (Bình Thành) 12 (năm 2000) đã đổi thành ngày tổ chức như hiện tại. Vào ngày này, **Lễ Thành nhân** rực rỡ sắc màu được tổ chức tại các địa phương trên toàn nước Nhật. Nghi lễ như thế này được gọi là **Nghi lễ cột mốc**, kỷ niệm ngày trở thành cột mốc cuộc đời trong thời gian từ khi sinh ra cho đến lúc mất đi (lễ mừng thượng thọ người cao tuổi cũng là một nghi lễ cột mốc). Ngoài ra, khi đến tuổi trưởng thành (20 tuổi), sẽ được phép uống rượu, hút thuốc, có quyền bầu cử... Tuy nhiên từ tháng 7 năm Heisei 28 (năm 2016), quyền bầu cử được áp dụng từ 18 tuổi.

◇ 小正月

◇ Tết Nguyên Tiêu Nhật Bản

小正月は、1月15日前後に行われる正月行事です。かつて1月1日を大正月と言ったことに対する名称で、各地域で多彩な催しを行います。比較的共通しているのは正月飾りを燃やす**どんど焼き**です。この火で焼いた餅を食べると健康になるという信仰があります。



Tết Nguyên Tiêu Nhật Bản (Koshogatsu) là hoạt động Tết được tổ chức vào ngày 14, 15, 16 tháng 1. Đây là tên gọi để phân biệt với Tết Oshogatsu ngày 1/1, tại các địa phương sẽ tổ chức nhiều sự kiện khác nhau. Sự kiện chung là **Lễ hội lửa đầu năm** (Dondo Yaki), đốt các vật đã trang trí Tết. Người ta tin rằng nếu dùng lửa đó để nướng bánh dày ăn sẽ giúp khỏe mạnh.

◇ 成人式

◇ Lễ Thành nhân

成人式は、20歳になった男女に対して、大人になったことを認める儀式です。成年式とも言います。長い人生のなかで最も重要な節目であり、大人としての権利と義務が発生します。儀式の式典は一般に市町村等の地方公共団体が主催し、毎年多くの新成人が参加します。



Lễ thành nhân là nghi thức thừa nhận nam, nữ đủ 20 tuổi trở thành người lớn. Nó còn có tên khác là Lễ Thành Niên. Đây là cột mốc quan trọng nhất trong cuộc đời, phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ của một người lớn. Lễ nghi thức sẽ do chính quyền địa phương như thành phố, quận, huyện... tổ chức và hàng năm có rất nhiều người mới trưởng thành tham gia.

◇ 紋付袴・振袖

◇ Lễ phục Montsuki Hakama và Furisode

紋付の羽織と袴は男性の正装、振袖は未婚女性の正装です。紋は先祖から受継いでいる家紋で、黒い羽織に白地で表します。振袖は袖の長い着物で、成人式、結婚式等のほか、正月の晴れ着としても着用します。いずれも江戸時代の武家から続く日本の伝統です。

Áo **Haori** và quần **Hakama** có **gắn biểu tượng** là bộ lễ phục của nam giới, còn **Furisode** là lễ phục của các cô gái chưa lập gia đình. Biểu tượng là hoa văn dòng họ (kamon), chúng được làm bằng vải trắng gắn trên áo Haori đen. Furisode là một loại Kimono tay dài, ngoài mặc ở Lễ Thành nhân, Lễ Kết hôn, còn được coi là trang phục đẹp để mặc vào dịp Tết. Cả 2 loại lễ phục đều là truyền thống Nhật Bản kế tục từ các Samurai thời Edo.



【第03講】 節分

【Bài giảng số 03】 Lễ Tiết Phân

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

節分は暦上、冬の終りを示す節目の日で、その翌日（立春）から、春が始ります。「節分」という言葉は「季節を分ける」という意味ですから、節分は古来、四季に対応して1年に4回ありました。しかし、今日には、立春の前日だけが節分として受け継がれています。平成28年（2016年）は、立春が2月4日であったため、節分は2月3日でした。

季節の変わり目には病気になり易いこと等から、節分では邪気を払う行事が行われます。その代表的なものが、寺社や家庭で行う豆撒きです。人々はそこで、鬼を邪気の象徴と見なし、「鬼は外、福は内」と叫びながら家の外と内へ大豆を撒きます。豆を撒いた後、自分の年齢と同じ数の煎り豆を食べ、無病息災を祈願します。豆は、蛋白質を多く含んで栄養価も高いことから、健康によい食品と考えられています。

Tiết Phân (Setsubun) theo lịch là ngày đánh dấu sự kết thúc của mùa đông và mùa xuân sẽ bắt đầu từ ngày hôm sau (**Ngày Lập Xuân**). “Tiết Phân” có nghĩa là “Chia mùa”, vì vậy thời xưa Tiết Phân có 4 lần trong 1 năm tương ứng với 4 mùa. Tuy nhiên, ngày nay chỉ có ngày trước Lập Xuân được gọi là ngày Tiết Phân. Năm Heisei 28 (năm 2016), vì ngày Lập Xuân là ngày 4/2 nên ngày Tiết Phân đã rơi vào ngày 3/2.

Thời điểm đổi mùa, cơ thể rất dễ đau ốm, vì vậy nghi lễ trừ tà khí được tổ chức vào ngày Tiết Phân. Biểu hình cho nghi lễ này là tập tục **Rải đậu** diễn ra ở đền chùa hay tại các gia đình. **Quy** được coi là tượng trưng cho tà khí vì vậy người ta sẽ vừa rải đậu (đậu tương rang) trong và ngoài nhà vừa hô thần chú “Quy hãy ra ngoài, để may mắn vào trong”. Sau khi rải đậu, sẽ ăn số hạt đậu rang bằng với số tuổi của mình và cầu nguyện **sức khỏe, may mắn**. Đậu chứa nhiều chất béo và giàu dinh dưỡng nên được cho là thực phẩm tốt cho sức khỏe.

◇ 数え年

◇ Tuổi mụ

数え年は、生れた時点が1歳で、その翌年の元日（1月1日）に2歳になるとする年齢の数え方です。これは、まだ「0」の概念がなかった時代の名残です。したがって、古来の伝統行事で年齢を示す際、今日でも数え年で示す場合が多くあります。ただし、通常の社会生活では、生れた時点が0歳、翌年の誕生日に1歳になるとする満年齢の数え方が一般的です。

Tuổi mụ là cách tính tuổi theo đó thời điểm sinh ra được tính là 1 tuổi, đến ngày đầu năm mới của năm sau (1/1) sẽ tính là 2 tuổi. Đây là cách tính còn lưu lại của thời kỳ chưa có khái niệm số 0. Theo đó, nó được áp dụng tại các nghi lễ truyền thống cổ xưa. Ngày nay cũng vẫn còn nhiều trường hợp dùng tuổi mụ. Tuy nhiên, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, người ta thường áp dụng cách tính **tuổi dương** phổ biến đó là thời điểm sinh ra tính là 0 tuổi, đến sinh nhật năm sau là tròn 1 tuổi.



◇ 鬼

◇ Quỷ

鬼は、日本の妖怪（想像上の存在）で、荒々しく恐ろしいイメージを帯びる怪物です。一般に、頭角があり、虎皮の腰布を纏い、金棒を持った大男の姿で表現されます。荒ぶる神を「鬼神」、残酷な人を「鬼畜」と言うように、「悪」のイメージを伴うことが多い鬼ですが、極めて優れた才能を「鬼才」と称し、誉め言葉として用いられることもあります。

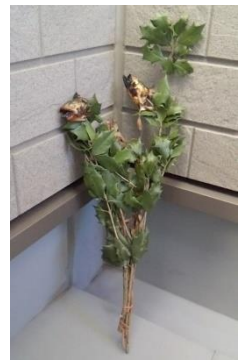


Quỷ là một dạng yêu quái của Nhật Bản (tồn tại trong trí tưởng tượng) và là quái vật có hình dạng thô thiển, đáng sợ. Thông thường, quỷ xuất hiện với diện mạo của một người đàn ông to lớn có sừng trên đầu, lưng quấn da hổ và mang theo một cây trùy sắt. Quỷ thường tượng trưng cho "Cái ác", nên người ta hay ví vị thần độc ác là "Quỷ Thần", hay nói người độc ác là "Quỷ Súc", tuy nhiên cũng có trường hợp được dùng làm câu khen ngợi, ví dụ người có tài năng xuất chúng sẽ được khen là "Quỷ Tài".

◇ 柗鰯 ひいらぎいwash

◇ Vật trừ tà Hiiragi Iwashii

柗鰯は、焼いた鰯の頭を柗の枝に刺して門口に飾る、邪気を払う門守かどぐちです。この場合の邪気は鬼です。柗の葉の棘とげが鬼の目を刺すため鬼が門口から入れない、また、塩鰯を焼く臭気と煙で鬼が近寄れない（あるいは、鰯を焼く匂いで鬼を誘い、柗の葉の棘で鬼の目を刺す）ことで、鬼を追い払うという信仰に基づきます。現代の都会ではあまり見掛けられなくなりましたが、全国的にはまだ多くの地域で、これを節分の日に玄関や門口に掲げ、悪い鬼を追い払う習俗が残っています。



Hiiragi Iwashii (Cây nhựa ruồi và cá mòi) là vật được làm từ đầu cá mòi nướng cắm vào nhánh cây nhựa ruồi sau đó đem dựng ở cổng nhà, nó được coi là vật gác cổng trừ tà khí. Tà khí ở đây là nói đến quỷ. Người ta tin rằng có thể đuổi quỷ bằng cách dùng gai của lá nhựa ruồi đâm vào mắt, không cho quỷ qua cổng vào nhà, còn khói và mùi hôi khi nướng cá mòi muối sẽ khiến quỷ không dám lại gần (hoặc là dùng mùi nướng cá mòi để dụ quỷ đến rồi dùng gai của lá nhựa ruồi đâm vào mắt nó). Tại các thành phố hiện đại đã không còn thấy vật này, nhưng nhiều địa phương vẫn giữ phong tục đặt nó ngoài cổng hoặc cửa vào ngày Tết Phân để đuổi quỷ.

【第04講】 建国記念日

【Bài giảng số 04】 Ngày quốc khánh Nhật Bản

- ◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。
- ◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

建国記念日は、初代^{じんむ}神武天皇が即位して日本の基盤となった国を築いたと伝えられる日で、2月11日です。日本の正史である『日本書紀』の記述を根拠として制定されました。明治時代には紀元節と称し、太平洋戦争の敗戦をへて昭和23年（1948年）に廃止されますが、昭和42年（1967年）から現在の名称で復活し、国民の祝日となりました。日常的には使いませんが、建国から数える日本独自の暦を皇紀といい、平成28年（2016年）は皇紀2676年です。

実際に天皇という称号を用いるようになったのは建国より後のことですが、それでも千数百年の伝統をもっており、世界の王室では最も長い歴史を誇ります。なお、日本では王室ではなく、皇室と言います。

Ngày Quốc khánh Nhật Bản là ngày 11/2, theo truyền tụng thì đây là ngày Thiên Hoàng đầu tiên của Nhật Bản - **Thiên Hoàng Jinmu** (Thần Vũ) lên ngôi và sáng lập ra đất nước Nhật Bản. Ngày này được ấn định dựa trên căn cứ ghi chép trong bộ Sử ký của Nhật Bản là "**Nihonshoki** (Nhật Bản Thư Ký)". Vào thời Meiji (Minh Trị), ngày lập quốc có tên là **Kigensetsu** (Kỷ Nguyên Tiết), nhưng sau khi Nhật bại trận trong Chiến tranh Thái Bình Dương nó đã bị bãi bỏ vào năm Showa (Chiêu Hòa) 23 (năm 1948), tuy nhiên vào năm Showa 42 (năm 1967) ngày này được khôi phục lại, lấy tên như hiện tại và trở thành ngày nghỉ lễ quốc gia. Tuy không sử dụng phổ biến nhưng Nhật Bản có bộ lịch riêng của mình tên là **Koki** (Hoàng Kỷ) được tính từ ngày lập quốc, năm Heisei 28 (năm 2016) tương ứng với năm Koki 2676.

Trên thực tế, danh xưng Thiên Hoàng có từ sau khi lập quốc và đã có truyền thống 1 nghìn mấy trăm năm, tự hào có lịch sử dài nhất trong số các Vương thất thế giới. Ngày nay, Nhật Bản gọi Hoàng thất thay cho Vương thất.



◇ 国民の祝日

◇ Ngày nghỉ lễ quốc gia

国民の祝日は、日本国民全体が祝う記念日です。1月1日の「元日」から12月23日の「天皇誕生日」まで、一年に16日が法律で定められています。特別な事情がない限り、会社は休みです。公共機関は国旗を掲揚し、かつては多くの一般家庭でも玄関に国旗を掲げました。



Ngày nghỉ lễ quốc gia là ngày kỷ niệm được toàn dân Nhật Bản chúc mừng. Trong 1 năm, Nhật Bản có 16 ngày nghỉ lễ quốc gia được luật pháp qui định, tính từ ngày 1/1 (ngày đầu năm mới) đến ngày 23/12 (ngày sinh nhật Thiên Hoàng). Vào ngày nghỉ lễ quốc gia, toàn bộ các doanh nghiệp sẽ nghỉ làm, trừ trường hợp đặc biệt. Các cơ quan nhà nước sẽ treo quốc kỳ trước công sở, trước kia nhiều nhà dân cũng treo quốc kỳ ở trước cửa nhà.

◇ 『古事記』 『日本書紀』

◇ 『Cổ Sự Ký』 『Nhật Bản Thư Ký』

『古事記』は現存する日本最古の歴史書で、『日本書紀』は国が正式に編纂した正史です。7世紀に第40代天武天皇が制作を命じ、両書とも8世紀初頭に完成しました。伊勢神宮に祀られている天照大神（天照大御神）が天皇の祖神である等、神話も記述してあります。



“Cổ Sự Ký” là bộ sách cổ nhất về lịch sử Nhật Bản, còn “Nhật Bản Thư Ký” là bộ chính sử do quốc gia biên soạn chính thức. Vào thế kỷ thứ 7, Thiên Hoàng Tenmu đã ra lệnh chế tác và cả 2 bộ sách đều được hoàn thành vào đầu thế kỷ thứ 8. Trong sách cũng có ghi chép cả những câu chuyện thần thoại như: Thần Amaterasu Okami (Amaterasu Omikami) ngự ở đền Ise Jingu là tổ thần của Thiên hoàng v.v..

◇ 神武天皇

◇ Thiên hoàng Jinmu

神武天皇は初代天皇です。古事記および日本書紀によれば九州の日向を出発して東へ進み、紀元前7世紀に現在の奈良県にある大和で政権を樹立し、天皇に即位しました。127歳まで生きたと伝えられているため、実在していなかったと主張する歴史家もいます。



Thiên hoàng Jinmu là Thiên hoàng đầu tiên của Nhật Bản. Theo ghi chép của “Cổ Sự Ký” và “Nhật Bản Thư Ký”, ngài Jinmu xuất phát từ Hyuga thuộc tỉnh Kyushu tiến thẳng về phía đông, vào thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên lập chính quyền ở Yamato (Đại Hòa) thuộc tỉnh Nara ngày nay, sau đó lên ngôi Thiên hoàng. Tương truyền Thiên hoàng Jinmu sống đến năm 127 tuổi khiến một số nhà sử học cho rằng Thiên hoàng Jinmu chỉ là truyền thuyết, không có thật.

【第05講】雛祭り

【Bài giảng số 05】 Lễ hội búp bê

- ◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。
- ◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.



雛祭りは、3月3日に女兒の成長と無事を祈る祭りです。室内に雛人形を飾り、甘い白酒の他、菱形の餅や雛あられ等の雛菓子を供えます。雛人形とは男女の貴族を左右に並べたもので、豪華になると下段に宮仕えの女性が並ぶなど段数が増えていきます。先祖から伝わる人形を飾る家がある一方で、毎年捨てられるよう質素にすませる家もあります。また、雛祭りの別名を桃の節句と言ひ、この時期に咲く桃の花も飾ります。



起源は平安時代の貴族による清めの儀式とされ、地域によっては紙で作った人形ひとがたに災いを移し、その人形を川に流す古い行事が今に伝わっています。

Lễ hội búp bê (Hina Matsuri) là lễ hội cầu sức khỏe và may mắn cho các bé gái tổ chức vào ngày 3/3. Một căn phòng sẽ được chọn ra để trưng bày búp bê Hina, ngoài ra còn có rượu trắng ngọt và mâm bánh kẹo đặc trưng của Hina gồm bánh dày hình thoi, bánh hình gà con... Búp bê Hina là một cặp búp bê nam nữ thuộc tầng lớp quý tộc đặt cạnh nhau, nếu là bộ lớn thì sẽ gồm nhiều tầng và ở các tầng dưới bày các búp bê cung nữ. Có gia đình trưng bày búp bê truyền lại từ nhiều đời trước, nhưng cũng có gia đình chọn loại búp bê giá bình dân vì sẽ đem bỏ đi sau đó. Ngoài ra, lễ hội Hina còn có tên khác là lễ hội hoa đào, nên hoa đào nở thời điểm này cũng sẽ được đem trưng bày.

Khởi nguồn của lễ hội này nghi lễ thanh tẩy của các quý tộc thời Heian (Bình An), ở một số vùng người ta làm ra những con búp bê giấy, sau đó làm thuật chuyển tai ương, vận hạn của mình sang búp bê rồi đem thả trôi sông, nghi lễ cổ này vẫn còn tồn tại đến tận ngày nay.

◇ 節句

◇ Lễ hội mùa

節句は、年間の節目となる年中行事です。中世以前に数多くあったものを、江戸時代に整理したのが人日の節句（1月7日）、上巳の節句（3月3日）、端午の節句（5月5日）、七夕の節句（7月7日）、重陽の節句（9月9日）で、総称して五節句と言います。季節の花にちなみ、上巳の節句は桃の節句、重陽の節句は菊の節句とも言います。



Lễ hội mùa (Sekku) là sự kiện thường niên diễn ra vào thời điểm giao mùa trong năm. Trước thời trung cổ những lễ hội này khá nhiều, nhưng vào thời Edo đã điều chỉnh lại còn 5 lễ hội: Jinjitsu no Sekku (7/1), Joshi no Sekku (3/3), Tango no Sekku (5/5), Shichiseki no Sekku (7/7) và Choyo no Sekku (9/9). Liên quan đến loài hoa vào từng mùa nên Lễ hội Joshi no Sekku còn được gọi là Lễ hội hoa đào, còn Lễ hội Choyo no Sekku cũng có tên khác là Lễ hội hoa cúc.

◇ 大垂髪

◇ Tóc vấn Osuberakashi

大垂髪は、古代から近世まで続いた、上流の女性が正装するときの髪型です。前方をふっくらと仕上げ、後ろ側は長く垂れ下がっています。現代でも皇室の女性が和装の正装として用います。また、雛人形の最上段に位置する女雛もこの髪型です。



Osuberakashi là kiểu tóc vấn dành cho phụ nữ thượng lưu, được lưu truyền từ xưa đến nay. Phía trước được chải phồng lên, còn phía sau để dài xõa xuống. Hiện kiểu tóc này được phụ nữ trong Hoàng Thất dùng kết hợp với lễ phục truyền thống. Ngoài ra nó còn là kiểu tóc dành cho búp bê Hina nữ đặt ở tầng trên cùng.

◇ ちらし寿司

◇ Món Chirashi Zushi

ちらし寿司は、酢飯の上に魚、玉子、かんぴょう、椎茸、野菜、海苔などをのせた食べ物です。具が数多く入っていることから五目寿司とも呼ばれます。日常の食事でも供しますが、雛祭りでは定番料理です。その場合は海老、豆、蓮根など縁起の良い食材を用います。



Chirashi Zushi là món ăn gồm có cá, trứng, bầu khô, nấm, rau và rong biển..đặt trên cơm vị dấm. Vì có nhiều thành phần nên món này còn có tên là Sushi thập cẩm. Đây là một món ăn ngày thường và cũng là món không thể thiếu trong lễ hội Hina Matsuri. Trường hợp dùng cho lễ hội sẽ sử dụng những nguyên liệu được cho là đem lại may mắn như tôm, đậu, ngó sen...

【第06講】 春分の日

【Bài giảng số 06】 Ngày Xuân phân

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ **Đọc thành tiếng đoạn văn sau.**

春分の日、日の出から日の入りまでを指す昼の長さと、夜の長さがほぼ同じになる日です。「自然をたたえ、生物をいつくしむ」国民の祝日で、平成28年（2016年）は3月20日でした。太陽と地球の運行によって決まるため、1日前後する年があります。この日をさかいに昼が夜よりも長くなってゆきます。



「暑さ寒さも彼岸まで」という慣用句があり、暦の上では春の真ん中にあたり、気候が暖かくなってきます。本州では桜が開花し、春が実感できる時期です。関西から関東の水田稲作では種まきの準備が始まり、農作業が本格的になる頃です。

また、春分の日を中心に、前後3日間を春の彼岸といい、この7日の間に先祖の墓参りをする習慣があります。

Ngày xuân phân là ngày mà thời gian ban ngày (tính từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn) và thời gian ban đêm dài gần bằng nhau. Nó còn là ngày nghỉ lễ quốc gia “Ca ngợi thiên nhiên, yêu thương muôn loài”, năm Heisei 28 (năm 2016) ngày này rơi vào 20/3. Vì ngày này được quyết định bởi sự chuyển động của mặt trời và trái đất nên có năm sẽ bị giao động trước hoặc sau 1 ngày. Sau ngày này, thời gian ban ngày sẽ ngày càng dài hơn ban đêm.

Có một câu thành ngữ “Nóng hay lạnh thì cũng chỉ đến Bỉ Ngạn”, theo lịch thì vào khoảng giữa mùa xuân, khí hậu sẽ trở lên ấm áp. Tại đảo Honshu, anh đào sẽ nở hoa, đây là thời kỳ có thể cảm nhận được không khí mùa xuân. Tại các ruộng lúa từ Kansai đến Kanto, bắt đầu chuẩn bị gieo hạt, thời điểm công việc đồng áng chính thức đi vào thời vụ.

Ngoài ra, trong 7 ngày gồm ngày Xuân phân cộng với 3 ngày trước và sau nó được gọi là Bỉ Ngạn mùa xuân, người Nhật có tập tục đi tảo mộ tổ tiên trong dịp này.

◇ 桜

◇ **Hoa anh đào**

桜は、春に咲く花で、菊と共に日本を代表する事実上の国花です。桜は何種類も日本に自生しており、山の桜を都市の周辺に移植するなど古くから栽培も行われ、奈良時代の歌を集めた『万葉集』にも桜を詠んだ歌が数多く掲載されています。都市部で最も一般的な桜は染井吉野という栽培種です。



Hoa anh đào là loài hoa nở vào mùa xuân và được chọn làm quốc hoa đại diện cho Nhật Bản cùng với hoa cúc. Có nhiều loại hoa anh đào mọc tự nhiên ở Nhật Bản và từ xưa người Nhật cũng đã đem hoa anh đào núi về trồng xung quanh các đô thị...Có rất nhiều bài hát về hoa anh đào được đăng trong tuyển tập các bài hát thời đại Nara. Loại hoa anh đào phổ biến nhất ở các đô thị là anh đào trồng Somei-yoshino.

◇ 花見

◇ Lễ Ngắm hoa

花見は、満開になった桜を觀賞する行事です。日本中に花見の名所がたくさんあり、春になると多くの人々が集まって楽しむと共に、地面にシートを敷いて酒宴を催すこともあります。古くは農耕が本格化する前の儀式で、江戸時代の頃から娯楽としても広まりました。



Lễ Ngắm hoa là lễ thường ngoạn hoa anh đào vào thời điểm nở rộ. Có rất nhiều điểm ngắm hoa nổi tiếng trên khắp nước Nhật, khi mùa xuân đến cùng với việc tụ tập để ngắm hoa, nhiều người còn trải bạt ra đất và tổ chức ăn uống vui vẻ. Thời xưa, đây là nghi lễ có trước khi việc canh tác phát triển, nó được lan truyền rộng rãi như một thú vui từ thời Edo.

◇ 卒業式

◇ Lễ tốt nghiệp

卒業式は、学習課程修了が認められた学生を送り出す行事です。幼稚園から大学まで、ほとんどの学校が3月に卒業式を迎え、学生たちは制服やスーツなどで正装して出席します。専門学校や大学を卒業する女性のなかには、伝統の正装である袴を着用する人も多くいます。



Lễ tốt nghiệp là nghi lễ tiễn những học sinh, sinh viên đã được công nhận hoàn thành quá trình học tập. Hầu như tất cả các trường từ mẫu giáo đến đại học đều đón lễ tốt nghiệp vào tháng 3, học sinh, sinh viên sẽ mặc đồng phục hoặc vest để dự lễ. Trong số các nữ sinh tốt nghiệp trường dạy nghề hoặc đại học, có nhiều người mặc trang phục truyền thống Hakama.

【第07講】昭和の日

【Bài giảng số 07】 Ngày Showa

- ◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。
- ◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

昭和の日は、元は4月29日の昭和天皇の誕生日で、激動の日々を経て復興を遂げた昭和の時代を顧み、国の将来に思いをいたすための記念日です。

昭和は大規模な世界恐慌で始まり、20年後には太平洋戦争の敗戦で日本中が焼け野原となりました。その後、奇跡の復興と呼ばれる高度成長をなしとげ、昭和43年（1968年）にはGNPが世界第2位の経済大国となった時代です。

こうした波乱の時を国民と共に歩んだ昭和天皇は、昭和64年（1989年）に崩御しました。崩御と同時に今上天皇が即位しますので、記念日としての「天皇誕生日」は12月23日になりました。このような経緯で昭和天皇の誕生日は「昭和の日」という国民の祝日となりました。

Ngày Showa (Chiêu Hòa) vốn là ngày sinh nhật của cố **Thiên hoàng Showa** ngày 29/4, nhưng sau này trở thành ngày lễ kỷ niệm để nhìn lại thời đại Showa với nhiều biến động nhưng đã nỗ lực phục hưng thành công, để từ đó người dân suy nghĩ cho tương lai đất nước.

Thời Showa bắt đầu bằng cuộc Đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu, 20 năm sau đó lại bại trận trong Chiến tranh Thái Bình Dương khiến toàn nước Nhật trở nên hoang tàn. Sau đó là thời kỳ đạt tốc độ tăng trưởng cao độ và được gọi là sự phục hưng thần kỳ, vào năm Showa 43 (năm 1968) Nhật Bản trở thành cường quốc kinh tế với GNP đứng thứ 2 thế giới.

Thiên hoàng Showa đã đồng hành cùng với nhân dân trải qua rất nhiều thăng trầm, ngài băng hà vào năm Showa 64 (năm 1989). Thiên hoàng Showa băng hà cùng lúc Nhật hoàng hiện tại lên ngôi, chính vì vậy ngày 23/12 “Ngày sinh nhật Nhật hoàng” được lấy làm ngày lễ kỷ niệm. Và ngày sinh nhật Thiên hoàng Showa đã trở thành ngày lễ quốc gia có tên là “Ngày Showa” để tưởng nhớ cố Thiên hoàng và những công lao của ngài.

◇ 元号

◇ Niên hiệu

元号は、皇紀と共に日本独自の年号であり、昭和、平成など変化するのが特徴です。記録に残っている最も古い元号は大化元年（645年）で、江戸時代までは天皇崩御の他、災害が続いたり良い事があったりした時などに改元しました。明治時代以降は天皇崩御の時だけ改元します。

Cùng với Hoàng kỷ (Koki), **niên hiệu** là cách tính năm độc đáo của Nhật Bản, đặc trưng là sự thay đổi của các cái tên như Showa, Heisei...Niên hiệu lâu đời nhất được ghi lại là năm Taika (Đại Hóa) thứ nhất (năm 645). Cho đến tận thời đại Edo, việc thay đổi niên hiệu đã diễn ra khi Thiên hoàng băng hà hoặc mỗi khi có những sự kiện đặc biệt diễn ra như thiên tai liên tiếp hay khi có điều tốt đẹp xảy ra...Nhưng kể từ thời đại Meiji, chỉ thay đổi niên hiệu khi Thiên hoàng băng hà.



◇ 昭和天皇

◇ Thiên hoàng Showa

昭和天皇は第124代天皇です。名は裕仁で、苗字はありません。明治34年（1901年）4月29日に誕生し、昭和64年（1989年）1月7日に崩御しました。天皇に即位したのは昭和元年（1926年）12月25日、天皇在位64年は日本史上最長とされます。一般の葬儀にあたる大喪の礼には世界164箇国およびECの代表が参列しました。

Thiên hoàng Showa là Thiên hoàng đời thứ 124, tên là Hirohito và không có họ, sinh ngày 29/4 năm Meiji 34 (năm 1901), băng hà ngày 7/1 năm Showa 64 (1989). Ngài lên ngôi Thiên hoàng ngày 25/12 năm Showa thứ nhất (năm 1926) và là Thiên hoàng trị vì lâu nhất trong lịch sử Nhật Bản với 64 năm. Trong đại lễ tang Nhật hoàng Showa đã có đại diện của 164 quốc gia và EC (Ủy ban châu Âu) tham dự.



◇ 昭和元禄

◇ Giai đoạn tăng trưởng thần kỳ

昭和元禄は、昭和40年前後、高度成長が続く華やかで活気のあった時期を指します。毎年給料が上がり、中間層が豊かになった頃で、衣類、電気製品、家具、自動車などが飛ぶように売れました。特にカー、クーラー、カラーテレビの3Cを買いそろえるのが庶民の目標でした。

Giai đoạn tăng trưởng thần kỳ (Nhật Bản gọi là Showa genroku) chỉ thời kỳ phồn hoa, kinh tế tăng trưởng cao độ và liên tục vào những năm Showa 40. Lương tăng hàng năm, thời điểm tầng lớp trung lưu trở nên giàu có, quần áo, hàng điện tử, đồ gia dụng, ô tô... bán chạy như tôm tươi. Đặc biệt việc mua trọn bộ 3C = Car (ô tô), Cooler (điều hòa), Color television (TV màu) là mục tiêu mua sắm của tầng lớp bình dân của Nhật thời đó.



【第08講】 憲法記念日

【Bài giảng số 08】 Ngày Kỷ niệm Hiến pháp

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

憲法記念日は、日本国憲法の効力が発生した日です。国民の祝日で、5月3日です。太平洋戦争後、国内に進駐していた連合軍総司令部が原案を作成し、日本政府の意見も取り入れて昭和21年（1946年）11月3日に発表、翌年5月3日に施行されました。これにより、明治時代から続く大日本帝国憲法は廃止となり、新時代が始まりました。

日本国憲法の特徴は国民主権、象徴天皇、戦争放棄です。全ての国民が一定年齢に達すると選挙権をもち、憲法改正も最終的には国民投票で決まります。天皇は権力をもち、権威としての地位を明確にしました。また、国際紛争に武力を使わず、話し合いで解決する努力を続けてきました。この結果、戦後70年にわたって平和な日本を築くことができました。

Ngày Kỷ niệm Hiến pháp là ngày **Hiến pháp nước Nhật Bản** có hiệu lực. Đó là ngày 3/5 và là ngày nghỉ lễ quốc gia. Sau chiến tranh Thái Bình Dương, Bộ Tổng tư lệnh quân Đồng minh ((GHQ) đóng tại Nhật đã soạn ra bản thảo Hiến pháp, lấy ý kiến của chính phủ Nhật Bản, sau đó công bố vào ngày 3/11 năm Showa 21 (năm 1946), ngày 3/5 năm sau đó Hiến pháp được thực thi. Theo đó, Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản duy trì từ thời đại Meiji bị bãi bỏ, một thời đại mới đã bắt đầu.

Đặc trưng của Hiến pháp nước Nhật Bản là “Chủ quyền của nhân dân”, “Thiên hoàng là biểu tượng”, “Từ bỏ chiến tranh”. Toàn dân đến một độ tuổi nhất định có quyền bầu cử, việc sửa đổi Hiến pháp cũng do dân bỏ phiếu quyết định cuối cùng. Thiên hoàng không nắm giữ quyền lực, chỉ giữ nguyên địa vị. Ngoài ra, trong các tranh chấp quốc tế, Nhật đã không sử dụng vũ khí mà duy trì nỗ lực giải quyết bằng đối thoại. Nhờ đó đã có thể xây dựng lên một Nhật Bản hòa bình suốt 70 năm sau chiến tranh.

◇ 日本国憲法

◇ Hiến pháp nước Nhật Bản

日本国憲法は、日本の最高法規です。前文で「主権が国民に存する」ことを宣言、第一条で「天皇は、日本国の象徴」であり、その「地位は、主権の存する日本国民の総意に基く」とし、第九条で「武力の行使は、国際紛争を解決する手段としては、永久にこれを放棄する」としています。

Hiến pháp nước Nhật Bản là luật pháp tối cao của Nhật Bản. Tại phần mở đầu nêu rõ “Chủ quyền thuộc nhân dân”, tại điều 1 có ghi “Thiên hoàng là biểu tượng của nước Nhật Bản”, “Địa vị đó phải được sự đồng thuận của toàn dân Nhật Bản - những người nắm chủ quyền”, tại điều 9 có ghi “Vĩnh viễn từ bỏ việc sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp Quốc tế”.



◇ 大日本帝国憲法 (明治憲法)

◇ Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản (Hiến pháp Meiji)

大日本帝国憲法 (明治憲法) は、明治22年 (1889年) 2月11日公布、翌年11月29日に施行された憲法です。天皇を元首と明記し、軍隊を統率して指揮する権力が認められていました。ただし、法律の制定は議会の協賛を必要とするなど、天皇の権限には制約もありました。



Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản (Hiến pháp Meiji) là Hiến pháp được công bố ngày 11/2 năm Showa 22 (1889) và được thực thi ngày 29/11 năm sau đó. Thiên hoàng được công nhận là người đứng đầu, có quyền thống lĩnh và chỉ huy quân đội. Tuy nhiên, cũng có cả điều hạn chế quyền lực của Thiên hoàng như việc ban hành pháp luật cần phải có sự hợp tác của quốc hội...

◇ ゴールデンウィーク (黄金週間・大型連休)

◇ Golden Week (Tuần lễ vàng - Kỳ nghỉ dài)

ゴールデンウィーク (黄金週間・大型連休) は、4月末から5月初旬にかけて、休日が多い期間です。国民の祝日として、昭和の日 (4月29日)、憲法記念日 (5月3日)、みどりの日 (5月4日)、こどもの日 (5月5日) が続き、多くの人が故郷へ帰るほか、海外旅行等へ行きます。「ゴールデンウィーク」という名称は、golden「黄金の」とweek「週」を合成した和製英語です。



Golden Week (Tuần lễ vàng - Kỳ nghỉ dài) là kỳ nghỉ nhiều ngày từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5. Đây được coi là kỳ nghỉ lễ quốc gia, với các ngày lễ liên tiếp như: Ngày Showa (29/4), Ngày Kỷ niệm Hiến pháp (3/5), Ngày xanh (4/5), Ngày bé trai (5/5), nhiều người sẽ về thăm quê hay đi du lịch nước ngoài... Tên gọi "Golden Week" là từ tiếng Anh Nhật (tiếng anh do người Nhật tạo ra), ghép từ golden (vàng) và từ week (tuần).

【第09講】 こどもの日

【Bài giảng số 09】 Ngày Tết bé trai

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

こどもの日は、男児の成長を祝う端午の節句にあたり、5月5日です。多くの家庭では5月に入ると屋外に鯉のぼりを立て、当日は柏餅や粽を食べるほか、菖蒲の葉を入れた風呂に入る風習もあります。菖蒲は薬草としての効能があり、邪気を払い疫病を防ぐ力があるという信仰が、古くからありました。



3月3日の桃の節句が女児の行事であるのに対し、男児の行事であるため、勇ましい印象があります。江戸時代の武家の習わしも受継いでおり、室内に武者人形や甲冑を飾るのは、その一例です。また、「こどもの人格を重んじ、こどもの幸福をはかるとともに、母に感謝する」趣旨で、国民の祝日となっています。



Ngày Tết bé trai (ngày trẻ em) là ngày chúc mừng sự trưởng thành của các bé trai, trùng với **Tết Đoan ngọ** (Tango no Sekku) 5/5. Tại nhiều gia đình, khi tháng 5 đến sẽ treo cờ cá chép ngoài nhà, đúng ngày lễ sẽ ăn bánh dày nhân đỗ Kashiwa Mochi và bánh chưng Chimaki, ngoài ra còn có phong tục tắm bồn có thả hoa Diên Vĩ. Hoa Diên Vĩ có công dụng như một loại thảo dược, từ xưa người ta đã tin rằng nó có khả năng trừ tà, phòng bệnh tật.

So với ngày lễ của các bé gái diễn ra vào mua hoa đào 3/3, ngày lễ của các bé trai mang ấn tượng của sự dũng mãnh. Một trong những ví dụ điển hình là việc kể thừa phong tục của các Samurai thời Edo, trưng bày búp bê chiến binh Samurai hay bộ áo giáp trong phòng. Ngoài ra, ngày này còn trở thành ngày nghỉ lễ quốc gia mang ý nghĩa “Tôn trọng tính cách, cầu phúc cho trẻ đồng thời cảm tạ công ơn mẹ”.

◇ 十二支

◇ 12 con giáp

十二支は、現代では年を表す表現です。子、丑、寅、卯、辰、巳、午、未、申、酉、戌、亥という12の用語を動物にあてはめ、12年単位で繰り返します。平成28年（2016年）は申年で、翌年は酉年となり、これを自分の生れ年とします。古くは時刻や方位も表しました。また、60年周期の暦法にも用います。



12 con giáp là để chỉ các năm thời hiện tại. Mỗi năm tương ứng với một thuật ngữ chỉ một con vật: Tí, Sửu, Dần, Mão (ở Nhật là Thỏ), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi (ở Nhật là con Cừu), Thân, Dậu, Tuất, Hợi (ở Nhật là con lợn rừng), cứ 12 năm lại lặp lại một lần. Năm Heisei 28 (năm 2016) tương ứng với năm Thân, năm tiếp theo là năm Dậu, con giáp còn đại diện cho năm sinh của mỗi người. Thời xưa con giáp còn dùng để chỉ thời khắc, phương hướng. Ngoài ra, nó còn được dùng trong Lịch chu kỳ 60 năm.

◇ 菖蒲=尚武

◇ Hoa Diên Vĩ = Tinh thần thượng võ

菖蒲は、根が漢方の健胃薬に使われるサトイモ科の植物です。「尚武」という武道を重んじる用語と音が同じであることから元気な印象があり、端午の節句では菖蒲湯に入ります。古くは邪鬼を払う植物と信じられ、貴族や武士の年中行事であったものが現代まで受け継がれてきました。



Hoa Diên Vĩ là thực vật thuộc họ khoai sọ có rễ được sử dụng làm thuốc trị bệnh dạ dày. Trong tiếng Nhật, hoa Diên Vĩ có phát âm giống với từ “Tinh thần thượng võ”, do vậy nó tượng trưng cho sự dũng mãnh, vào Tết Đoan Ngọ có phong tục tắm bồn thả hoa Diên Vĩ. Thời xưa, loài hoa này được tin là thực vật có thể trừ tà ma, phong tục sử dụng hoa Thiên Vĩ trong các nghi lễ của giới quý tộc hay võ sĩ Samurai còn được kể truyền đến tận ngày nay.

◇ チャンバラ

◇ Trò chơi đấu kiếm (Chanbara)

チャンバラは、刀で切り合う様子を擬音語で表した俗語です。高齢者の世代は武士が派手に切り合うシーンの多い映画をチャンバラ映画と呼んでいました。これを真似た日常的な子供の遊びがチャンバラごっこで、こどもの日には紙で作った兜をかぶって行うことがあります。



Chanbara là từ tượng thanh chỉ môn đấu kiếm. Những người cao tuổi ở Nhật thường gọi phim có nhiều cảnh võ sĩ đấu kiếm là phim Chanbara. Việc trẻ con bắt trước chơi trò đấu kiếm được gọi là Chanbara Gokko, vào ngày Tết bé trai, đeo mặt nạ quỷ bằng giấy để chơi trò này rất phổ biến.

【第10講】七夕

【Bài giảng số 10】 Lễ hội Tanabata

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

七夕は、7月7日の夜、織姫が1年に1度だけ天の川を渡って夏彦に会いに行くという伝説に基づく行事です。その際、織姫星（織女星）は琴座のベガ、彦星（牽牛星）は鷲座のアルタイルで、これが星の逢引であることから、七夕には「星合」という別名もあります。そして、この日に願い事を短冊に書いて笹竹に結び付けると、その願いが叶うという風習があります。日本では、この男女が1年に1度しか会えないというロマンチックな悲恋物語が好まれ、現代では華やかな祭りになりました。旧暦と新暦（現代の暦）に約1箇月のずれがあるため、伝統的な風習を踏まえ、七夕祭りを8月初旬に行う地域もあります。例えば、その規模の大きさを有名宮城県仙台市の仙台七夕まつりは、江戸時代から続いています。その開催は8月6～8日です。また、七夕は、五節句（人日・上巳・端午・七夕・重陽）の一つでもあり、この場合、「たなばた」でなく「しちせき」と読みます。



Lễ hội Tanabata (Lễ Thất Tịch) là sự kiện dựa theo truyền thuyết hàng năm vào đêm ngày 7/7, Tiên nữ Orihime sẽ vượt **sông Ngân Hà** (Ama no Kawa) để đi gặp chàng chăn bò Natsuhiko. Vào thời điểm đó, ngôi sao Orihime (sao Chức Nữ) còn gọi là sao Vega thuộc chòm sao Thiên Cầm và sao Hiko (sao Ngưu Lang) hay còn gọi là sao Altair thuộc chòm sao Thiên Ưng sẽ gặp nhau, vì vậy Lễ hội Tanabata còn có một tên khác là “Hoshiai - Các chòm sao gặp nhau”. Người Nhật cho rằng, vào ngày này, nếu ghi lời cầu nguyện vào tờ giấy có tên là **Tanzaku**, sau đó buộc vào cành **tre trúc**, thì lời ước sẽ thành hiện thực. Tại Nhật Bản, câu chuyện tình buồn lãng mạn về đôi nam nữ 1 năm chỉ được gặp nhau 1 lần này chiếm được rất nhiều tình cảm của mọi người, hiện nay ngày này đã trở thành một lễ hội lớn. Lịch âm và lịch dương (lịch hiện đại) chênh nhau 1 tháng, vì vậy cũng có vùng tổ chức **Lễ hội Tanabata** theo phong tục truyền thống nhưng diễn ra vào đầu tháng 8. Ví dụ: Lễ hội Sendai Tanabata lớn và nổi tiếng ở thành phố Sendai tỉnh Miyagi có từ thời Edo nhưng được tổ chức từ ngày 6 đến ngày 8/8. Ngoài ra, Tanabata còn là một trong **5 lễ hội lớn** gồm (Jinjitsu, Joshi, Tango, Shichiseki, Choyo), trong trường hợp này sẽ gọi là “Shichiseki” thay cho “Tanabata”.

◇ 短冊

◇ **Giấy Tanzaku**

短冊は、細長い形状の紙片で、元来そこに和歌や俳句を書くものですが、七夕では願い事を記すのに用いられます。大きさは多様ですが、片手で持てる程度に収めます。古代、紙は高価であったため木片（木簡）が用いられてきましたが、中世の頃から紙も併用されるようになりました。



Giấy Tanzaku là mảnh giấy dài nhỏ, thường dùng để ghi lời **bài hát Nhật** hoặc **thơ Haiku**, nhưng trong Lễ hội Tanabata được dùng để ghi những lời cầu nguyện. Có nhiều kích thước khác nhau, nhưng thường nhỏ đủ để cầm bằng một tay. Thời cổ đại, khi giấy còn là vật xa xỉ người ta thường dùng mảnh gỗ (**thẻ gỗ**), nhưng kể từ thời trung cổ trở đi cả thẻ gỗ và giấy đều được dùng.

◇ 笹

◇ Cây trúc

笹は一般に、やや細く小振りの竹を言います。笹と竹は、植物学上は一応の区別がありますが、日常では「笹竹」と言ったりして区別しません。工芸品の素材になる他、七夕では短冊を結び付けるものとして用いられます。また、特に竹は、成長が早く、真っ直ぐに伸びることから、繁栄や強さの象徴で、縁起がよい物と考えられています。



Trúc thường được gọi là loại tre nhỏ. Trúc và tre về mặt thực vật học là khác nhau, nhưng thường người ta hay gọi chung là “Tre trúc” và không mấy phân biệt chúng. Ngoài được dùng làm vật liệu cho hàng thủ công mỹ nghệ, trúc còn được dùng làm vật để buộc giấy Tanzaku vào trong Lễ hội Tanabata. Ngoài ra, do tăng trưởng nhanh, thân mọc thẳng đứng nên tre trúc được coi là vật mang lại may mắn, tượng trưng cho sự phồn vinh và sức mạnh.

◇ 東北三大祭り

◇ 3 Lễ hội lớn Tohoku

東北三大祭りは、東北地方で開催される有名な三つの夏祭りの総称で、北から順に、青森ねぶた祭（青森県）、秋田竿燈まつり（秋田県）、仙台七夕まつり（宮城県）を指すのが通例です。いずれも、開催時期は8月初旬で、七夕や盆の行事に関連した祭りです。これらが終ると秋風が吹くと言われ、季節の変わり目の象徴になっています。



3 Lễ hội lớn Tohoku là tên gọi chung của 3 lễ hội mùa hè nổi tiếng được tổ chức ở vùng Tohoku, từ phía bắc trở xuống lần lượt là: Lễ hội Aomori Nebuta (tỉnh Aomori), Lễ hội Akita Kanto (tỉnh Akita), Lễ hội Sendai Tanabata (tỉnh Miyagi). Cả 3 lễ hội đều được tổ chức vào đầu tuần tháng 8, chúng là những lễ hội có liên quan đến ngày Lễ Tanabata và Lễ Obon. Người ta thường nói sau khi những lễ hội này kết thúc cũng là lúc gió thu thổi, vì vậy chúng trở thành biểu tượng cho sự đổi mùa.

【第11講】お盆

【Bài giảng số 11】 Lễ Obon

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

お盆は、祖先の霊を祀り供養する一連の行事で、日本古来の祖霊信仰と仏教が融合した行事です。時期は地域によって異なり、7月中旬または8月中旬です。初日を「迎え盆」と言い、迎え火を焚いて祖霊を喚び、供養します。最終日を「送り盆」と言い、送り火を焚いたり、供え物を川や海に流す灯籠流しを行ったりして祖霊を送り出します。その一方で、近年、お盆を簡単に済ませたいとする考え方もあり、墓参りだけをしてお盆の行事にする人もいます。

しかし、お盆は元来、「盆と正月が一緒に来たよう」（「非常に忙しいこと」「慶事が重なること」の喩え）という慣用句があるほど、忙しく重要な行事でした。特に地方から出てきた人は、お盆休み（8月15日周辺の3～7日間程度）に入ると故郷に帰り、行事に参加しました。お盆休みの在り方は以前よりかなり多様になりましたが、今日も見られる日本の夏の風物詩です。

Lễ Obon là một chuỗi các sự kiện dâng lễ cúng và tưởng nhớ linh hồn tổ tiên, sự kết hợp giữa niềm tin Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên từ cổ xưa của Nhật Bản. Thời gian tổ chức lễ hội khác nhau tùy theo từng vùng, thường là giữa tháng 7 hoặc giữa tháng 8. Ngày đầu tiên của lễ hội được gọi là “Lễ rước”, người ta sẽ đốt lửa dẫn đường để đón linh hồn tổ tiên về. Ngày cuối cùng được gọi là “Lễ tiễn”, lúc này sẽ đốt lửa tiễn, sau đó thực hiện nghi thức thả đèn lồng hoặc đồ cúng ra sông hay biển để tiễn linh hồn tổ tiên. Mặt khác, gần đây cũng có quan niệm muốn thực hiện Lễ Obon một cách đơn giản nên nhiều người chỉ đi tảo mộ.

Tuy nhiên, Lễ Obon vốn là một sự kiện bận rộn và rất quan trọng nên đã có câu thành ngữ “Obon và Tết đến cùng nhau” (mang ý vô cùng bận rộn hoặc là các việc chông chéo nhau). Đặc biệt những người từ vùng khác đến, mỗi khi vào kỳ nghỉ Obon (khoảng từ 3 đến 7 ngày gần ngày 15/8) họ sẽ về quê để tham gia sự kiện. Tuy ngày nghỉ Obon đã trở nên đa dạng hơn trước, nhưng vẫn mang đậm cảnh sắc của mùa hè Nhật Bản.

◇ 盆踊り

◇ Múa Bon

盆踊りは、お盆の翌晩に地域の人が地元の寺社や公園等集まって踊る行事です。広場の中央に檣を組み、そこから楽器を鳴らしたり謡ったりし、人々はその周囲で踊ります。楽器は笛や太鼓が用いられ、子供から大人まで何日も練習して演奏します。

Múa Bon là sự kiện người dân tập hợp tại đền chùa hoặc công viên của địa phương để múa hát vào đêm hôm sau của Lễ Obon. Ở khu vực trung tâm của nơi tổ chức sẽ dựng lên một sân khấu bằng gỗ, ngồi trên đó là những người chơi nhạc cụ và hát, còn mọi người sẽ nhảy múa xung quanh. Nhạc cụ thường là sáo, trống, từ trẻ em đến người lớn sẽ tham gia luyện tập vài ngày rồi biểu diễn.



◇ 五山送り火

◇ Lửa tiễn Ngũ Sơn

五山送り火は、8月中旬のお盆の時期に催される京都の行事です。祖霊への迎え火や送り火が観光行事になったもので、5箇所で行われます。このうち最も有名なものは大文字山（だいもんじやま 如意ヶ嶽）の「大文字送り火」で、毎年8月16日の夜に「大」の字の形に火がとも灯されます。



Lửa tiễn Ngũ Sơn là sự kiện của thành phố Kyoto diễn ra trong thời gian Lễ Obon khoảng giữa tháng 8. “Lửa rước” và “Lửa tiễn” đã trở thành một sự kiện du lịch, được biểu diễn tại 5 địa điểm. Trong đó nổi tiếng nhất là “**Lửa tiễn hình chữ 大** (chữ đại)” ở núi Daimonji (còn gọi là núi Nyoiga dake), hàng năm vào tối ngày 16/8, lửa sẽ được đốt theo hình chữ “大”.

◇ お盆休み

◇ Nghỉ Obon

お盆休みは、お盆の時期（8月15日周辺の3～7日程度）に取る休暇です。この時期、全国で多くの方が仕事を休みます。レジャー客や帰省者（故郷に帰る人）が一斉に移動するため、新幹線や飛行機が満員になり幹線道路が渋滞するラッシュが、毎年恒例の現象になっています。



Nghỉ Obon là kỳ nghỉ trong thời gian của Lễ Obon (khoảng từ 3 đến 7 ngày gần với ngày 15/8). Vào thời gian này, trên toàn quốc hầu hết mọi người đều được nghỉ làm. Khách vui chơi giải trí, **người về tỉnh** (người về thăm quê) đồng loạt di chuyển nên tàu Shinkansen, máy bay sẽ kín chỗ, **giao thông cao điểm** với các tuyến đường chính tắc nghẽn là hiện tượng thường thấy mọi năm.

【第12講】終戦記念日

【Bài giảng số 12】 Ngày kỷ niệm kết thúc chiến tranh

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

終戦記念日は、昭和20年（1945年）の夏、天皇が国民に対して太平洋戦争の終結を伝えた日で、8月15日の正午です。ラジオ放送によるものでした。天皇の声を玉音ということから、**玉音放送**ともよばれます。日本国内が悲しみに包まれた日です。その後、9月2日に米国戦艦ミズーリ号で降伏文書に調印し、これで日本の敗戦が決定しました。日本を

代表して調印したのは重光 葵^{しげみつあおい} 外務大臣です。ただし、戦地の前線で戦っている兵士たちに直接伝える方法がなく、みなが終戦を知るのはしばらく後のことでした。

8月15日を戦争に関連した記念日とする正式名称は「戦没者を追悼し平和を祈念する日」です。現在でも、8月15日正午には多くの人々が黙祷をささげます。

Ngày kỷ niệm kết thúc chiến tranh là 12h trưa ngày 15/8, mùa hè năm Showa 20 (năm 1945), ngày Thiên hoàng tuyên bố với toàn dân về việc chiến tranh Thái Bình Dương đã kết thúc. Tuyên bố này đã được phát thanh qua Radio. Giọng nói của Thiên hoàng được ví là “Ngọc âm”, nên chương trình này còn được gọi là **Phát thanh “Ngọc âm”**. Đó là ngày toàn nước Nhật chìm trong bầu không khí ảm đạm. Sau đó vào ngày 2/9, tại Thiết giáp hạm USS Missouri (BB-63) của Hoa Kỳ, Nhật Bản đã ký vào Văn kiện đầu hàng, chấp nhận bại trận. Người ký đại diện cho Nhật Bản là Bộ trưởng Ngoại giao Shigemitsu Mamoru. Tuy nhiên, việc này không được thông báo trực tiếp đến các binh sĩ đang chiến đấu tại mặt trận, sau thời gian ngắn họ mới biết là chiến tranh đã kết thúc.

Ngày 15/8 được lấy làm ngày kỷ niệm về chiến tranh với tên gọi chính thức là “Ngày Tưởng niệm các Liệt sĩ, cầu nguyện cho Hòa bình”. Cho đến tận bây giờ, cứ vào 12h trưa ngày 15/8 hàng năm, rất nhiều người dân Nhật Bản sẽ dành vài phút để mặc niệm.

◇ 原子爆弾投下

◇ Vụ thả bom nguyên tử

原子爆弾は、太平洋戦争で初めて日本に対して使用され、昭和20年（1945年）8月6日に広島県、同年8月9日に長崎県に**投下**されました。広島では10万人以上、長崎でも7万人以上が年末までに死亡し、それ以上の人々が後遺症で苦しんでいます。あまりにも残酷な兵器なので、これ以降は使用されていません。

Bom nguyên tử lần đầu tiên được sử dụng tại Chiến tranh Thái Bình Dương nhằm vào Nhật Bản, chúng đã được **thả xuống** tỉnh Hiroshima vào ngày 6/8 năm Showa 20 (năm 1945), tiếp đến là tỉnh Nagasaki vào ngày 9/8 cùng năm. Tính đến cuối năm đó, số người đã thiệt mạng tại Hiroshima là hơn 100 nghìn người và tại Nagasaki là hơn 70 nghìn người, hơn thế nữa còn rất nhiều người phải chịu đau khổ vì những di chứng sau này. Vì là loại vũ khí quá tàn độc nên từ đó về sau bom nguyên tử không còn được sử dụng.



◇ 戦後

◇ Sau chiến tranh

太平洋戦争の日本本土空襲により、ほとんどの大都市は焼け野原となり、多くの民間人が死亡しました。日本の戦後はこうした廃墟から始まりましたが、国民が力を合わせて努力し、昭和31年（1956年）の経済白書で「もはや戦後ではない」と記述するまでに復興しました。



Do bị không kích trong Chiến tranh Thái Bình Dương nên hầu hết các thành phố lớn của Nhật Bản đều trở nên hoang tàn, rất nhiều người dân bị thiệt mạng. Nhật Bản sau chiến tranh phải bắt đầu lại từ tàn tích, nhưng nhờ sự nỗ lực, đoàn kết đồng lòng của toàn dân, sau đó đã phục hưng một cách ngoạn mục, thậm chí trong Sách trắng kinh tế năm Showa 31 (năm 1956) có câu “Đã qua rồi thời hậu chiến”.

◇ 靖国神社

◇ Đền Yasukuni

靖国神社は、明治維新以降の戦争で、国を守るために命を捧げた人々の霊を祀る神社です。明治2年（1869年）の創設以来、246万6000余柱の霊が「靖国の大神」として祀られています。毎年7月13日～16日には盆の行事として「みたま祭り」を開催し、多くの参拝者が集まります。



Đền Yasukuni là đền thờ vong linh các liệt sĩ đã hi sinh bảo vệ tổ quốc tại các cuộc chiến tranh kể từ Minh Trị Duy Tân (明治維新, Meiji Ishin). Kể từ khi thành lập vào năm Meiji 2 (năm 1869), hiện có hơn 2,466,000 anh linh được thờ như những “Đại thần của Yasukuni”. Hàng năm từ ngày 13 đến 16/7, tại đền có tổ chức “Lễ hội Mitama” một sự kiện của Obon, vào dịp này người đến lễ rất đông.

【第13講】 月見

【Bài giảng số 13】 Lễ hội ngắm trăng

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

月見は、月見団子や野菜などの供え物をして、月を眺め楽しむ行事です。月の満ち欠けを基準にした旧暦で8月、ほぼ満月になる15日の夜に行います。この日の夜を十五夜、この夜の月を中秋の名月と言い特別なあつかいをしてきました。

旧暦8月15日は新暦の太陽暦にあてはめると9月か10月初旬で、平成28年(2016年)は9月15日に相当しました。ただし、太陽暦を基準にした新暦は月の運行と無関係であるため、15日が満月とは限りません。同年は9月17日が満月でした。したがって、満月の2日前に中秋の名月を祝うのですが、肉眼では区別できないため問題はありません。

月見は平安時代から続く伝統行事で、古くは里芋を供えることもありました。

Lễ hội ngắm trăng (Tsukimi) là sự kiện dâng mâm lễ bánh dày Tsukimi, rau quả và thường ngoạn vẻ đẹp của Trăng. Lễ hội được tổ chức vào thời điểm trăng gần như tròn - đêm 15/8 âm lịch (lịch dựa trên chu kỳ tròn khuyết của mặt trăng). Đêm đó được gọi là “Đêm 15 (đêm rằm)” và trăng đêm đó được gọi là “Trăng rằm trung thu”, một cách gọi đặc biệt.

Ngày 15/8 âm lịch thường rơi vào tháng 9 hoặc đầu tháng 10 dương lịch - lịch mặt trời, năm Heisei 28 (năm 2016), rơi vào ngày 15/9. Tuy nhiên lịch dương là lịch mặt trời, không liên quan đến sự vận hành của mặt trăng, vì vậy ngày 15 chưa chắc trăng đã tròn. Năm đó ngày trăng tròn là ngày 17/9. Do vậy, việc chúc mừng ngày Trăng rằm trung thu đã diễn ra trước 2 ngày khi trăng tròn, tuy nhiên điều này đã không thành vấn đề vì mắt thường không thể phân biệt được.

Lễ hội ngắm trăng là sự kiện truyền thống được truyền lại từ thời Heian (Bình An), thời xưa có thể dùng khoai sọ làm đồ cúng vào ngày này.



◆ ^{すすき}薄

◆ Cỏ chèo vè

薄は、秋を象徴する草花の一つです。奈良時代の詩歌にも詠まれるほど、古くから日本人が親しんできたイネ科植物です。現代では月見の飾りとして知られますが、古くは屋根、草履、箒などの材料にも用いました。細い茎をもちながら、高さ1～2mまで成長し、北海道から沖縄まで日本全国で生育します。

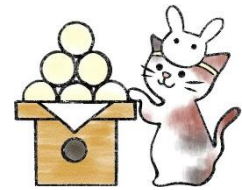


Cỏ chèo vè là một loại hoa cỏ tượng trưng cho mùa thu. Là thực vật thuộc họ Hòa thảo, từ xưa đã rất quen thuộc với người Nhật Bản, từng xuất hiện cả trong thơ ca của thời kỳ Nara. Ngày nay cỏ này được biết đến như là vật trang trí trong Lễ hội ngắm trăng, nhưng thời xưa nó còn được dùng làm vật liệu của mái nhà, dép hay chổi. Đây là loại cỏ thân mảnh, cao từ 1 đến 2m, mọc khắp nước Nhật từ tỉnh Hokkaido đến tỉnh Okinawa.

◇ お月見泥棒

◇ Trộm Lễ ngắm trăng

お月見泥棒は、月見の日に、子供たちが楽しむ遊びです。泥棒は犯罪であり古くから禁じられてきた行為ですが、この日だけは団子などの供え物を盗んでも叱られません。都会よりも、農村地帯に残っている風習で、持っているやすいよう縁側などに置いておきます。



Trộm Lễ ngắm trăng là một trò chơi trong ngày Lễ ngắm trăng mà trẻ con rất thích. Ăn trộm vốn là một hành vi phạm tội và bị cấm từ xưa, tuy nhiên chỉ vào ngày này việc trộm đồ cũng như Dango (bánh trôi Nhật)...sẽ không bị mắng. Đây là phong tục còn lưu lại chủ yếu ở các vùng nông thôn hơn là thành thị, để trẻ dễ lấy hơn, chủ nhà thường để sẵn đồ ở phía ngoài.

◇ 竹取物語

◇ Câu chuyện đốn tre

『**竹取物語**』は、平安時代に創作された文学作品です。竹から生まれた美しい姫が、貴族たちから求婚されても断り、中秋の名月がでる夜に月に帰っていく物語です。千年以上も昔の作品だけに、複数の物語にわかれて語り継がれてきました。『かぐや姫』『竹取の翁』なども同じようなストーリーです。



“**Câu chuyện đốn tre**” là tác phẩm văn học được sáng tác vào thời kỳ Heian. Chuyện kể về một nàng công chúa sinh ra từ cây tre, dù được các quý tộc cầu hôn nhưng vẫn từ chối và bay về cung trăng vào đêm rằm trung thu. Vì là tác phẩm có từ xa xưa, hơn một nghìn năm trước, nên khi lưu truyền lại nó đã được chia ra làm mấy biến thể. “Công chúa Kaguya” hay “Ông lão đốn tre”...chính là những biến thể của nó với nội dung tương tự.

【第14講】 敬老の日

【Bài giảng số 14】 Ngày Kính lão

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

敬老の日は、多年にわたり社会につくしてきた老人を敬愛し、長寿を祝う国民の祝日で、9月の第3月曜日です。かつては9月15日でしたが、平成15年（2003年）から現在の日に変わりました。一方、祝日ではありませんが、老人福祉法により9月15日は老人の日、それから一週間は老人週間と定められています。老人の福祉について、広く国民の間に関心と理解を深めることが目的です。

日本には人の成長に伴う時々の行事があります。七五三が幼児、端午の節句と桃の節句が少年少女、成人の日が青年、勤労感謝の日が青年や大人、敬老の日が高齢者です。どの年代にあっても、互いに感謝し、祝福し合う精神を大切にします。



Ngày Kính lão là ngày lễ quốc gia cầu chúc sức khỏe và thể hiện lòng kính trọng đối với người cao tuổi vì những đóng góp của họ với xã hội, ngày này rơi vào Thứ 2 tuần thứ 3 của tháng 9. Trước kia là ngày 15/9, nhưng từ năm Heisei 15 (năm 2003) đã đổi thành ngày như hiện tại. Mặt khác, tuy không phải là ngày lễ nhưng theo qui định của Luật Phúc lợi người cao tuổi, thì ngày 15/9 là “Ngày của người cao tuổi” và 1 tuần sau ngày này được gọi là “Tuần của người cao tuổi”. Mục đích là để người dân quan tâm và hiểu sâu hơn về Phúc lợi của người cao tuổi.

Tại Nhật Bản có các sự kiện dành cho từng thời kỳ trưởng thành của con người. Có thể kể đến như: Lễ 7-5-3 cho thiếu nhi, Lễ Đoàn tụ và Lễ Hoa đào cho bé trai bé gái, Ngày trưởng thành cho thanh niên, Ngày Tạ ơn lao động cho thanh niên và người lớn, Ngày Kính lão cho người cao tuổi. Nhật Bản luôn coi trọng tinh thần cùng cảm tạ và chúc phúc lẫn nhau ở mọi lứa tuổi.

◇ 還暦

◇ Lễ mừng thọ Kanreki

還暦は、60歳になったことを祝福する行事です。家族から赤い頭巾、ちゃんちゃんこ、座布団などが贈られます。60年で人生が一巡すると考えられており、再び赤子に戻るという意味で、贈物に赤い色を選びます。かつては隠居する年齢であったことから盛大でしたが、長寿になった現代では簡素になりました。



Lễ mừng thọ Kanreki là sự kiện chúc phúc cho người tròn 60 tuổi. Họ sẽ được người nhà tặng khăn quàng đầu, áo gi lê Chanchanko, nệm ngồi...màu đỏ. 60 năm được coi là một chu kỳ của đời người, với ý nghĩa một lần nữa quay về làm “Con đỏ (trẻ sơ sinh)” nên tất cả đồ được tặng đều có màu đỏ. Trước kia, tuổi này được coi là tuổi lui về ở ẩn, thanh thoi nên được tổ chức rất sôi động, nhưng ngày nay khi tuổi thọ ngày càng cao thì sự kiện này cũng được làm đơn giản hơn.

◇ 定年

◇ Tuổi về hưu

定年は、会社勤めの人が契約を満了して退職する年齢です。会社ごとに定めがあり、一様ではありませんが、高度成長期は**55歳**、安定成長期は**60歳**、近年は**65歳**が一般的です。健康で長生きする人が多くなったことにより、年齢の上げが可能となりました。無事に定年を迎えた人は周囲から祝福されます。



Tuổi về hưu là tuổi được nghỉ hưu sau khi người lao động hoàn thành hợp đồng với công ty. Mỗi công ty có một quy định khác nhau, tuy không thống nhất cho tất cả nhưng thời kỳ kinh tế tăng trưởng cao độ tuổi này là 55, thời kỳ kinh tế phát triển ổn định tuổi này là 60 và hiện tại là 65 tuổi. Do số người khỏe mạnh và sống thọ ngày nhiều nên độ tuổi về hưu có khả năng sẽ tăng lên. Những người đón tuổi về hưu bình an vô sự sẽ được những người xung quanh chúc phúc.

◇ 超高齢社会

◇ Xã hội siêu già

超高齢社会は、総人口に占める高齢者の割合が高くなることです。65歳以上の高齢者が占める割合を高齢化率といい、平成26年（2014年）に26%となりました。公的機関の予測では平成37年（2025年）が30%、平成72年（2060年）が40%です。このままでは若い世代の費用負担が重くなりすぎるため、高齢者が働ける環境整備が進められています。



Xã hội siêu già là tỷ lệ người già trong tổng dân số cao. Tỷ lệ người già trên 65 tuổi được gọi là tỷ lệ già hóa, vào năm Heisei 26 (năm 2014) tỷ lệ này đã là 26%. Theo dự đoán của cơ quan nhà nước Nhật Bản, năm Heisei 37 (năm 2025) sẽ là 30% và năm Heisei 72 (năm 2060) sẽ là 40%. Nếu cứ tình trạng này thì gánh nặng chi phí của thế hệ trẻ sẽ trở nên quá tải, vì vậy việc cải thiện môi trường làm việc cho người già đang được tiến hành.

【第15講】 秋分の日

【Bài giảng số 15】 Ngày Thu phân

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

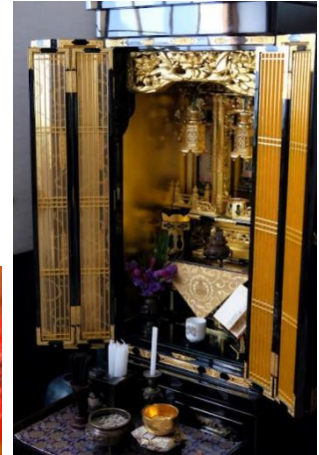
◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

秋分の日は、祖先をうやまい、なくなった人々をしのぶ国民の祝日です。この日は立秋から始まる秋の真ん中にあたり、平成28年（2016年）は9月22日でした。天体の運行を基準にして日を決めるため、年によって1～2日ずれることがあります。日の出から日の入りまでを指す昼の長さ、夜の長さがほぼ同じになり、この日をさかいに夜が昼よりも長くなってゆきます。気候が良く、空気が澄んで夜空が美しくなり、中秋の名月に供え物をして月見をするのもこの頃です。

昭和23年（1948年）までは秋分の日を秋季皇霊祭と呼んで祝っており、宮中では現在でもその名称で先祖祭の行事を行っています。

Ngày Thu phân là ngày lễ quốc gia thể hiện lòng tôn kính tổ tiên và tưởng nhớ đến người đã mất. Ngày này rơi vào khoảng từ lập thu đến giữa mùa thu, năm Heisei 28 (năm 2016) ngày này rơi vào ngày 22/9. Sự vận hành của các thiên thể là yếu tố quyết định ngày, nên tùy từng năm có thể bị xô dịch từ 1 đến 2 ngày. Vào ngày Thu phân, thời gian ban ngày (tính từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn) và thời gian ban đêm dài gần như nhau, từ hôm sau trở đi ban đêm sẽ dần dần dài hơn ban ngày. Vào thời gian này, khí hậu dễ chịu, không khí trong lành, bầu trời đêm đẹp, và cũng là thời điểm sửa soạn đồ cúng rằm Trung thu và ngắm trăng.

Cho đến tận năm Showa 23 (năm 1948), người ta gọi ngày Thu phân là “Lễ Hoàng Linh Mùa Thu (Lễ Giỗ Tổ Thiên Hoàng Mùa Thu)” và tổ chức lễ mừng, trong Cung điện Hoàng gia hiện vẫn tổ chức sự kiện Lễ hội Tổ tiên bằng tên này.



◇ 秋彼岸

◇ Lễ Bỉ ngạn mùa thu

秋彼岸は、秋分の日を中心にした7日間の行事です。毎年この期間に墓参りをする習慣があり、仏壇や墓をきれいに清掃し、花や故人の好物などを供え、線香をあげて先祖に感謝します。なお、彼岸は1年に2回あり、春分の日を中心にした7日間は「春の彼岸」と呼びます。

Lễ Bỉ Ngạn mùa thu là sự kiện diễn ra trong 7 ngày, gồm ngày Thu phân cộng với 3 ngày trước và sau nó. Hàng năm vào thời gian này, người Nhật có tập tục đi tảo mộ, dọn dẹp bàn thờ, mộ, dâng hoa hoặc đồ ăn theo sở thích của người đã mất, thắp hương khấn tạ ơn Tổ tiên. Bỉ Ngạn có 2 lần trong 1 năm, thời gian 7 ngày gồm ngày Xuân phân và 3 ngày trước, sau nó được gọi là “Lễ Bỉ Ngạn mùa xuân”.



◇ おはぎ

◇ Bánh nếp Ohagi

おはぎは、甘い餅菓子的一种です。餅米などを半づきにし、小豆餡でくるんだり、きな粉や擦り胡麻をまぶしたりしたものが一般的です。一年を通して食べますが、秋の彼岸に供えるときは「お萩」、春の彼岸に供えるときは「ぼた餅」と呼ぶことがあります。



Bánh nếp Ohagi là một loại bánh nếp ngọt, được nấu từ gạo nếp giã rối, sau đó bọc đỗ đỏ bên ngoài hoặc phủ bột đậu tương hay vừng lên. Đây là loại bánh có thể ăn quanh năm, tuy cùng là một loại nhưng khi dùng làm đồ cúng cho Lễ Bử Ngạn mùa thu sẽ gọi là "Ohagi", còn cho Lễ Bử Ngạn mùa xuân sẽ gọi là "Bota Mochi".

◇ 『虫のこえ』 (唱歌)

◇ Bài hát “Mushi no Koe”



『虫のこえ』は、虫の鳴き声を題材にした、小学校で習う歌（唱歌）の題名です。夕方から夜にかけて虫の鳴き声が聞こえてくると、秋の到来を感じることから、自然の変化で季節を実感する日本人が好む歌です。明治 43 年（1910 年）に発表されて以来、100 年以上も歌い継がれてきました。

“**Mushi no Koe**” tạm dịch là “Tiếng hát côn trùng”, là tên của bài hát mà trẻ em Nhật Bản được học ở trường tiểu học, đề tài về tiếng kêu của côn trùng. Đây là bài hát được người Nhật yêu thích vì nó giúp họ cảm nhận được sự thay đổi của tự nhiên, mỗi khi nghe tiếng côn trùng kêu vào khoảng thời gian từ chiều đến đêm, họ cảm nhận được rằng mùa thu đã đến. Đây là bài hát được yêu thích suốt hơn 100 năm qua kể từ khi được công bố vào năm Meiji 43 (năm 1910).

【第16講】 体育の日

【Bài giảng số 16】 Ngày Thể thao

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

体育の日は、昭和39年（1964年）開催の東京オリンピックを記念した日で、当初は開会日の10月10日でしたが、連休を増やす目的で、平成12年（2000年）から10月の第2月曜日に変わりました。「スポーツにしたしみ、健康な心身をつちかう」国民の祝日となっています。10月の前半は晴天になりやすい時期で、気温は夏の暑さから解放されて過ごしやすくなり、心身が活発になります。そのため多くの小学校、中学校、高等学校で運動会や体育祭が行われます。

また秋という季節全体では、スポーツの秋、芸術の秋、読書の秋とされるほか、夏バテで弱った胃腸が回復することから食欲の秋、おいしい食べ物がたくさん出回ることから味覚の秋とも言います。

Ngày Thể thao là ngày kỷ niệm Olympic Tokyo tổ chức năm Showa 39 (năm 1964), ban đầu là ngày khai mạc 10/10, nhưng để tăng thêm ngày nghỉ, từ năm Heisei 12 (năm 2000) đã đổi thành Thứ 2 tuần thứ 2 của tháng 10 và trở thành ngày lễ quốc gia “Rèn luyện thể thao nâng cao sức khỏe”. Nửa đầu của tháng 10 là khoảng thời gian trời nắng ráo, thời tiết mát mẻ dễ chịu, cơ thể trở nên hoạt bát hơn. Cũng vì thế, tại các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của Nhật Bản thường tổ chức ngày hội thể dục, thể thao.

Ngoài ra mùa thu còn được coi là mùa của thể thao, nghệ thuật, đọc sách, hay mùa của ăn uống vì lúc này hệ tiêu hóa bị yếu đi trong mùa hè đã hồi phục lại. Mùa thu còn được gọi là mùa của vị giác vì thời gian này có rất nhiều món ngon ra mắt.



◇ 東京オリンピック

◇ Olympic Tokyo

東京オリンピックは、日本が戦後の焼け跡から立ち上がり、高度成長をつき進むなかで開催した第18回夏季オリンピック競技大会です。アジア初であり、国全体が高揚感で包まれました。現在は2020年の第32回夏季オリンピック大会が再び東京に決まり、その準備を進めています。

Olympic Tokyo là Đại hội thể thao Olympic mùa hè lần thứ 18 mà Nhật Bản đã tổ chức trong giai đoạn đất nước hồi phục sau tàn tích chiến tranh và đang trên đà phát triển cao độ. Đây cũng là lần đầu tiên Olympic được tổ chức tại Châu Á, thời điểm đó toàn nước Nhật tràn ngập trong bầu không khí phấn khích. Hiện tại Nhật Bản đang tiến hành các hoạt động chuẩn bị cho Đại hội Olympic mùa hè lần thứ 32 một lần nữa được tổ chức tại Tokyo.



◇ 運動会

◇ Hội thể thao

運動会は、学校などが主催するスポーツ大会です。勝敗や順位を競いますが、主な目的はフェアプレイの精神を教育すること、あるいは親睦を深めることです。騎馬戦のように危険をともなう競技でも、相手に怪我をさせることなく正々堂々と競います。



Hội thể thao là Đại hội thể thao được tổ chức tại các trường học. Tuy là thi đấu để phân định thắng thua, giành thứ tự, nhưng mục đích chính là giáo dục tinh thần Fairplay (chơi đẹp) và củng cố tình bạn thêm sâu sắc. Ngay cả với môn thi đấu kèm nguy hiểm như trò chơi Kibasen (đấu kỵ binh giả), các em thi đấu rất công bằng, cởi mở và không làm đối phương bị thương.

◇ 学級対抗リレー

◇ Thi chạy tiếp sức theo lớp

学級対抗リレーは、クラスごとに代表を選出して競うリレー競技です。チームワークが重要となるため、協調性を大切にする日本人にとって得意種目の一つです。世界共通のリレー種目は短距離か中距離ですが、日本には長距離もあり「駅伝」と呼びます。古代から続く輸送方法を元にした伝統競技です。



Thi chạy tiếp sức theo lớp là trò thi đấu mà mỗi lớp sẽ chọn ra một đội để thi đấu. Đây là trò chơi đòi hỏi tính đồng đội và là môn sở trường của người Nhật vì họ rất coi trọng tính hợp tác. Môn chạy tiếp sức trong các cuộc thi thể giới thường chỉ có chạy cự ly ngắn hoặc trung, nhưng ở Nhật Bản còn có cả chạy cự ly dài (từ vài chục đến cả trăm km) được gọi là “Ekiden”. Đây là cuộc thi truyền thống bắt nguồn từ cách thức vận chuyển hàng hóa có từ thời cổ đại.

【第17講】文化の日

【Bài giảng số 17】 Ngày Văn hóa

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

文化の日は、日本国憲法の成立が広く国民に知らされた日で、11月3日です。皇居宮殿松の間で文化勲章親授式があり、天皇が受賞者に勲章を授与します。この時期には文化庁主催の芸術祭が開催されるほか、芸術関係の展覧会も多く開かれます。なお、文化の日は「自由と平和を愛し、文化をすすめる」趣旨で、国民の祝日です。昭和23年（1948年）の制定ですが、それ以前は明治節という祝日で、明治天皇の誕生日を祝う日でした。

また、法令を広く国民に知らせることを正式には「公布」、法令が実際に効力を発することを「施行」と称し、日本国憲法の公布日が文化の日で、施行日が5月3日の憲法記念日です。

Ngày Văn hóa (Bunka no Hi) là ngày 3/11, ngày việc thành lập Hiến pháp nước Nhật Bản được thông báo rộng rãi đến toàn dân. Vào ngày này, tại chính điện trong Cung điện Hoàng gia sẽ diễn ra Lễ trao tặng Huân chương Văn hóa, Thiên hoàng sẽ trao huân chương cho người được nhận. Vào thời gian này, ngoài các lễ hội nghệ thuật do Bộ Văn hóa tổ chức còn có nhiều cuộc triển lãm nghệ thuật khác cũng diễn ra. Ngày Văn hóa là ngày lễ quốc gia mang ý nghĩa “Yêu Tự do Hòa bình, phát triển Văn hóa”. Đây là qui định của năm Showa 23 (năm 1948), trước đó ngày này vốn là ngày lễ có tên Tết Minh Trị (Meiji Sekku), ngày chúc mừng sinh nhật của Thiên hoàng Minh Trị.

Ngoài ra, việc thông báo luật pháp rộng rãi đến người dân được gọi chính thức là “Công bố” và việc luật pháp bắt đầu có hiệu lực được gọi là “Thực thi”, ngày công bố Hiến pháp nước Nhật Bản là ngày Văn hóa còn ngày thực thi là ngày Kỷ niệm Hiến pháp, ngày 3/5.

◇ 文化勲章

◇ Huân chương Văn hóa

文化勲章は、日本文化の発展に著しい功績があった人に与えられる勲章で、昭和12年（1937年）に制定されました。式典では天皇が受賞者に文化勲章を授与し、内閣総理大臣が受章者に勲記を伝達します。勲記とは叙勲に関する証書のことです。叙勲の対象は文化功労者で、そのなかから選びます。

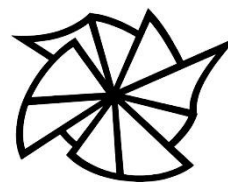
Huân chương Văn hóa là huân chương được trao cho người có công lao đóng góp cho sự phát triển của Văn hóa Nhật Bản, được qui định vào năm Showa 12 (năm 1937). Tại buổi lễ, Thiên Hoàng sẽ trao Huân chương Văn hóa cho người được nhận, sau đó Thủ tướng Nhật Bản sẽ trao Huân ký cho họ. Huân ký là giấy chứng nhận việc trao tặng huân chương. Đối tượng nhận huân chương được chọn ra trong số những người có công lao đóng góp cho văn hóa.



◇ 文化庁芸術祭賞

◇ Giải thưởng Liên hoan Nghệ thuật Tổng cục Văn hóa Nhật Bản

文化庁芸術祭賞は、文化庁が主催する、芸術の発展を目的とした祭典の賞です。芸術祭への参加公演と参加作品を選定し、そのなかから成果に応じて芸術祭大賞、芸術祭優秀賞、芸術祭新人賞を贈ります。参加公演には演劇、音楽、舞踊、大衆芸能、参加作品にはテレビ・ドラマ、テレビ・ドキュメンタリー、ラジオ、レコードの各4部があります。



Giải thưởng Liên hoan Nghệ thuật Tổng cục Văn hóa Nhật Bản là giải thưởng của liên hoan vì mục đích phát triển nghệ thuật do Tổng cục Văn hóa Nhật Bản tổ chức, tuyển chọn các buổi biểu diễn, các tác phẩm tham gia Liên hoan Nghệ thuật, từ trong số đó sẽ dựa theo thành quả để trao các giải: Giải thưởng lớn nhất Liên hoan Nghệ thuật, Giải thưởng xuất sắc Liên hoan Nghệ thuật, Giải thưởng ngôi sao mới Liên hoan Nghệ thuật. Các buổi biểu diễn tham gia gồm 4 bộ môn: Diễn kịch, âm nhạc, múa, nghệ thuật quần chúng. Các tác phẩm tham gia gồm 4 bộ môn: Phim truyền hình, phim tài liệu, radio, thu âm.

◇ 文化祭・学芸会

◇ Lễ hội Văn hóa - Hội diễn văn nghệ

10月～11月ころになると、学校では**文化祭**や**学芸会**を開催します。私立も国公立も含め、幼稚園から大学までが多彩な催しを行い、園児、生徒、学生たちの成果を家族や友人たちが観に行きます。「芸術の秋」という慣用語があるほど盛んな時期です。



Từ tháng 10 đến tháng 11 là khoảng thời gian các trường học sẽ tổ chức **Lễ hội Văn hóa, Hội diễn văn nghệ**. Tất cả các trường công lập, tư lập, từ mẫu giáo đến đại học sẽ tổ chức các sự kiện phong phú, đa dạng. Gia đình, bạn bè sẽ đến xem thành quả biểu diễn của các bé mẫu giáo, học sinh, sinh viên. Nhật Bản có câu thành ngữ “Mùa thu của Nghệ thuật” để chỉ đây là khoảng thời gian các hoạt động nghệ thuật diễn ra rất sôi nổi.

【第18講】七五三

【Bài giảng số 18】 Lễ hội 7-5-3

- ◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。
- ◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

七五三^{しちごさん}は、子供の成長を祝い、神社等に参詣してそれを報告・感謝・祈願する行事です。通例、男子は主に**数え年**5歳、女子は3歳と7歳の11月15日に、**晴れ着**で臨んで神社を参拝します。対象年齢や参詣日は地域によって異なりましたが、近代になって徐々に統一されてきました。また、7・5・3として**奇数**^{そろ}で揃えるのは、奇数は**縁起がよい**と捉える**陰陽五行思想**^{いんようごぎょう}の影響です（例えば、〈五節句〉も1月7日（**人日**^{じんじつ}）・3月3日（**上巳**^{じょうし}）・5月5日（**端午**^{たんご}）・7月7日（**七夕**^{しちせき}）・9月9日（**重陽**^{ちゅうよう}）で、全て奇数です）。

七五三は江戸時代に始まる神事で、当時、幼児は3歳で髪を伸ばし始め（**髪置**^{かみおき}）、5歳で男児が**袴**^{はかま}を着け（**袴着**^{はかまぎ}）、7歳で女兒が**帯**^{おび}を締め始めました（**帯解**^{おびとき}）。このように、人の成長過程における**節目**^{ふしめ}を祝う行事を**通過儀礼**と言い、七五三・成人式・還暦祝い等がそれに該当します。



Lễ hội 7-5-3 (Shichi-Go-San) là sự kiện chúc mừng sự phát triển khỏe mạnh, bình an của trẻ em, các gia đình sẽ đi lễ đền để tạ ơn và cầu nguyện sức khỏe cho các bé. Theo thông lệ, vào ngày 15/11 hàng năm, các bé trai 5 tuổi, các bé gái 3 hoặc 7 tuổi, tính theo **tuổi mụ** sẽ mặc những bộ **quần áo đẹp rực rỡ** đi lễ đền. Trước kia, tuổi làm lễ và ngày đi lễ khác nhau tùy theo từng vùng, nhưng gần đây đã được thống nhất dần lại. Ngoài ra, việc chọn dãy **số lễ 7-5-3** là do ảnh hưởng của **tư tưởng Âm dương ngũ hành** cho rằng số lẻ luôn **mang lại may mắn** (Ví dụ: Những ngày thuộc Ngũ Tiết gồm 7/1 (Jinjitsu), 3/3 (Joshi), 5/5 (Tango), 7/7 (Shichiseki), 9/9 (Choyo) đều là ngày lẻ).

Lễ hội 7-5-3 là lễ cúng thần bắt đầu từ thời Edo, thời đó trẻ em khi 3 tuổi sẽ bắt đầu nuôi tóc dài (Nghỉ lễ để tóc), khi 5 tuổi bé trai sẽ mặc lễ phục **Hakama** (Nghỉ lễ mặc Hakama), các bé gái 7 tuổi bắt đầu thắt **Obi** - Thắt lưng Kimono (Nghỉ lễ thắt Obi). Những sự kiện chúc mừng các cột mốc trong quá trình trưởng thành của con người như thế này được gọi là "**Nghỉ lễ cột mốc**", ví dụ như: Lễ 7-5-3, Lễ thành nhân, Lễ mừng thọ 60 v.v..

◇ ^{ちとせあめ}千歳飴

◇ Kẹo Chitose

千歳飴は、親が子の健康長寿を祈願して子に与える**祝い菓子**です。千歳飴袋には、**鶴亀・松竹梅**等の**縁起がよい**図が描かれています。神社で授与する他、市販されてもいます。伝統・格式を重んずる菓子屋には、自店の千歳飴を神社に奉納して**お祓い**を受けてから店頭(はら)に並べる店もあります。子供が**正装**して千歳飴袋(ま)を手に提げて歩く姿が11月中旬の風物詩になっています。

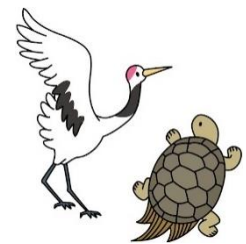


Kẹo Chitose (kẹo ngàn năm tuổi) là loại **bánh kẹo mừng** cha mẹ tặng con cái với mong muốn chúng sẽ khỏe mạnh và trường thọ. Bao đựng kẹo Chitose thường được in những hình ảnh **mang lại may mắn** như **Chim Hạc Rùa, Tùng Trúc Mai**...Loại kẹo này có thể xin lễ tại đền hoặc mua ở các cửa hàng. Trong số các cửa hàng bánh kẹo coi trọng truyền thống và nghi thức, có cửa hàng còn mang kẹo Chitose ra đền cúng, làm lễ **trừ tà** trước khi đem ra bày bán. Ở Nhật Bản, hình ảnh những đứa trẻ mặc **lễ phục**, tay cầm túi kẹo Chitose tung tặng đi lại đã trở thành hình ảnh quen thuộc vào thời điểm giữa tháng 11 hàng năm.

◇ ^{つるかめ}鶴亀

◇ Chim Hạc và Rùa

鶴亀は、長寿を象徴する**縁起物**(えんぎもの)として尊ばれる生物です。鶴は「千歳鳥」(ちとせどり)とも言われ、日本で見える鳥類では長生きです。亀も比較的長生きする爬虫類(はちゅうるい)で、古来「鶴は千年、亀は万年」と言って大事にされました。ただし、「千年」「万年」は長寿の比喻であり、実際の**寿命**(じゅみょう)ではありません。



Chim Hạc (Sếu đầu đỏ) và **Rùa** là những sinh vật được coi là **vật may mắn** tượng trưng cho sự trường thọ. Chim Hạc hay còn được gọi là “Chim nghìn tuổi”, thuộc loài chim sống lâu ở Nhật Bản. Còn Rùa cũng là một loại bò sát sống lâu, thời xưa 2 loài này được ví “Hạc nghìn năm, Rùa vạn năm” và rất được trân trọng. Tuy nhiên “Nghìn năm”, “Vạn năm” ở đây là cách nói tỷ dụ, không phải là **tuổi thọ** thật của chúng.

◇ ^{しょうちくばい}松竹梅

◇ Tùng Trúc Mai

松竹梅は、慶事**吉祥**(けいじ きちじょう)を象徴する縁起物として尊ばれる植物です。松と竹は冬でも枯れずに勢いを保ち、梅は寒い時季に花を咲かせます。そこで、日本では、祝事の席で謡われたり、**引出物**(ひきでもの)等の**意匠**(いしょう)に使われたりします。また、この「松」「竹」「梅」を等級名として使うこともあり、多くの場合、松が最上級、次いで竹・梅と続きます。



Tùng-Trúc-Mai là thực vật được coi là vật may mắn tượng trưng cho điều **tốt lành**, may mắn. Tùng và Trúc có sức sống mạnh mẽ, không bị héo ngay cả vào mùa đông, còn Mai có thể nở hoa vào thời tiết lạnh giá. Cũng vì thế, tại Nhật Bản, chúng thường được sử dụng để hát chúc mừng tại các sự kiện vui hoặc được sử dụng cho các ý tưởng thiết kế **quà tặng cảm ơn**. Ngoài ra, người ta còn dùng “Tùng”, “Trúc”, “Mai” để đặt tên thứ hạng, thường thì Tùng là thứ hạng cao nhất, sau đó đến Trúc và Mai.

【第19講】 天皇誕生日

【Bài giảng số 19】 Sinh nhật Thiên hoàng

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

天皇誕生日は、今上天皇の生誕を祝う国民の祝日で、12月23日です。皇居で一般参賀を行います。この祝日を天皇誕生日と呼ぶようになったのは戦後のことで、戦前は天長節という名称でした。起源は8世紀まで遡りますが、しばらく中断して明治時代に復活しました。

なお、天皇誕生日は、天皇の代が替わると祝日も変わります。昭和天皇の誕生日は4月29日で、存命中はこの日が天皇誕生を祝う日でした。現在は「昭和の日」として国民の祝日になっています。なお、明治天皇や昭和天皇という表現は「おくりな」と言い、崩御した後の呼び名です。在位中の天皇は「今上天皇」と表現します。崩御とは高貴な人が亡くなったことを示す特別な用語です。

Sinh nhật Thiên hoàng (Tennō Tanjōbi) là một ngày nghỉ lễ quốc gia chúc mừng sinh nhật Dương kim Thiên hoàng, ngày 23/12. Tại Hoàng cung sẽ tổ chức lễ mở cửa đón dân. Việc gọi ngày nghỉ lễ này là “Sinh nhật Thiên hoàng” bắt đầu từ sau chiến tranh, trước chiến tranh ngày lễ này có tên là Tenchōsetsu (ngụ ý Thiên hoàng mãi trường tồn). Khởi nguồn của ngày lễ này bắt đầu từ thế kỷ thứ 8, sau đó gián đoạn một thời gian và lại tiếp tục vào thời Meiji.

Ngày lễ Sinh nhật Thiên hoàng được qui định, khi các đời Thiên hoàng thay đổi thì ngày nghỉ lễ cũng sẽ thay đổi theo. Sinh nhật Thiên hoàng Showa là ngày 29/4, nên khi ngài sinh thời ngày này đã là ngày chúc mừng sinh nhật Thiên hoàng. Hiện tại ngày 29/4 được đổi thành ngày nghỉ lễ “Ngày Showa”. Tôn xưng “Thiên hoàng Meiji” hay “Thiên hoàng Showa” là “Thụy hiệu (tên hèm)”, tên gọi sau khi Thiên hoàng băng hà. Với Thiên hoàng đang tại vị sẽ gọi là “Đương kim Thiên hoàng”. Từ “Băng hà” là thuật ngữ đặc biệt chỉ sự qua đời của người có địa vị cao quý.



◇ 一般参賀

◇ Lễ mở cửa đón dân

一般参賀は、新年1月2日と天皇誕生日の行事です。一般の人々が皇居内の宮殿前に集まって祝賀の気持を表し、天皇皇后両陛下を始め皇族が宮殿のベランダに姿を見せ、手を振ってこたえます。厳粛な行事を乱さないかぎり、誰でも自由に参加することができます。



Lễ mở cửa đón dân là sự kiện diễn ra vào ngày 2/1 năm mới và ngày sinh nhật Thiên hoàng. Khi đó, dân chúng sẽ tập chung trước Cung điện trong Hoàng cung để bày tỏ sự chúc mừng. Thiên hoàng, Hoàng hậu và các thành viên trong Hoàng tộc sẽ ra ngoài ban công, vẫy tay đáp lễ. Bất cứ ai cũng có thể tự do tham gia, miễn là không làm gì ảnh hưởng đến sự kiện long trọng này.

◇ 陛下 (敬称)

◇ Bộ hạ (Tôn xưng)

陛下は、日本で用いる最上級の敬称です。対象は天皇、皇后、皇太后、太皇太后に限ります。皇后は天皇の妃、皇太后は先代天皇の皇后で天皇の母、太皇太后は先々代天皇の皇后です。皇太子や皇太子妃などの皇族は「殿下」という敬称を用います。



Bộ hạ là tôn xưng cao nhất được dùng ở Nhật Bản. Chỉ dùng cho Thiên hoàng, Hoàng hậu, Hoàng thái hậu và Thái hoàng thái hậu. Hoàng hậu là phi (vợ) của Thiên hoàng, Hoàng thái hậu là Hoàng hậu của Thiên hoàng đời trước và là mẹ của Thiên hoàng, Thái hoàng thái hậu là Hoàng hậu của Thiên hoàng 2 đời trước. Thành viên khác của Hoàng tộc như: Hoàng thái tử hay Hoàng thái tử phi...được tôn xưng là “Điện hạ”.

◇ 香淳皇后

◇ Hoàng hậu Kojun

香淳皇后は、昭和天皇の正妃で、今上天皇の実母です。日本画、書道、歌道など多彩な趣味に親しみ、画集や歌集を刊行しています。昭和64年(1989年)1月の昭和天皇崩御に伴い皇太后となりました。明治36年(1903)に東京で生れ、平成12年(2000年)に97歳で崩御、香淳皇后と追号されました。



Hoàng hậu Kojun (Hương Thuần) là chính phi của Thiên hoàng Showa và là mẹ ruột của Đương kim Thiên hoàng. Hoàng hậu có nhiều sở thích khác nhau như: Tranh Nhật Bản, Thư đạo, Ca đạo...và đã xuất bản tuyển tập tranh, tuyển tập ca. Tháng 1 năm Showa 64 (năm 1989), khi Thiên hoàng Showa băng hà, bà trở thành Hoàng thái hậu. Bà sinh năm Meiji 36 (năm 1903) tại Tokyo, băng hà vào năm Heisei 12 (năm 2000), hưởng thọ 97 tuổi, sau khi mất bà được truy tặng danh hiệu Hoàng hậu Kojun.

【第20講】大晦日

【Bài giảng số 20】 Ngày giao thừa

◆ 次の文章を声に出して読んでみましょう。

◆ Đọc thành tiếng đoạn văn sau.

^{おおみそか}大晦日は一年の最終日です。日本ではこの日、多くの人が家の^{おおそうじ}大掃除をしたり^{おせち}御節料理の^{したく}支度をしたりし、夜に^{としこ}年越し蕎麦^{そば}を食べて健康と長寿を願いながら、新年を迎える心構えを持ちます。大晦日から元日にかけての真夜中には、日本各地の寺で打たれる^{じよや}除夜の鐘^{かね}の音を聞きます。これは、人間は108の^{ぼんのう}煩惱を持ち、大晦日に除夜の鐘を108回^つ撞くことで、その煩惱から解放するという仏教の考えに基づきます。

尚、近世以前の日本では、深夜0時に日が変わるという考え方がなく、**日の出**と共に一日が始って**日暮れ**と共に一日が終るという認識が一般的であったため、夜の時間が当日に属するか翌日に属するかが不明確でした。このような背景から、大晦日の夜に正月の御節料理を食べる地域が今日もあります。

Ngày giao thừa (Omisoka) là ngày cuối cùng của một năm. Tại Nhật Bản, vào ngày này nhiều người tắt bật **tổng vệ sinh** nhà cửa, chuẩn bị các **món ăn năm mới** (Osechi Ryori), buổi tối ăn mì **Toshikoshi Soba**, vừa cầu mong được khỏe mạnh, sống lâu, vừa chuẩn bị tinh thần đón năm mới. Vào thời khắc giao thừa, mọi người sẽ cùng lắng nghe tiếng **chuông trừ tịch** vang lên từ các ngôi chùa trên khắp nước Nhật. Điều này bắt nguồn từ quan niệm Phật giáo cho rằng, con người có 108 tai ương, việc đánh 108 tiếng chuông trừ tịch vào ngày cuối cùng của năm sẽ giúp thoát khỏi những tai ương đó.

Nhật Bản trước thời cận đại không có khái niệm là sau 0h sẽ chuyển sang ngày mới, thời đó họ cho rằng khi **mặt trời mọc** là bắt đầu một ngày mới và khi **mặt trời lặn** là kết thúc một ngày, do vậy họ không xác định được thời điểm ban đêm sẽ thuộc về ngày cũ hay ngày mới. Vì lý do đó, nên ngày nay vẫn có địa phương ăn món ăn của năm mới vào đêm giao thừa.



◇ ^{みそか}晦日 (つごもり)

◇ Ngày cuối tháng

晦日 (つごもり) は、^{いんれき}陰暦で毎月の最終日です。月の運行を基準にした陰暦

では、1日に新月が出て15日に満月になり、月末に月が隠れます。この月が隠れることを「^{つきごも}月隠り」と言い、それが^{なま}訛って「つごもり」になりました。そして、12月末は年の終りであるため、これを特別に「**大つごもり**」(大晦日)と呼びます。

Trong tiếng Nhật “**Misoka**” (hay **Tsugomori**) có nghĩa là ngày cuối cùng của tháng **âm lịch**. Âm lịch là loại lịch dựa trên các chu kỳ của mặt trăng, ngày mùng 1 là “Trăng mới”, ngày 15 là “Trăng tròn”, cuối tháng là “Trăng nâu”. Việc trăng ẩn đi được gọi là “Tsuki Komori (Trăng nâu)”, sau đó đã được đọc lái thành “Tsugomori”. Cuối tháng 12 là kết thúc của năm nên được gọi theo cách đặc biệt là thêm O vào trước, “**Otsugomori**” (**Omisoka**).



◇ ^{おおそうじ} 大掃除

◇ Tổng vệ sinh

大掃除は、日々の生活の^{ふしめ}節目として年末に行う大掛りな掃除です。この慣習の由来は、^{けが}穢れを^{ほら}祓う宗教行事として6月末と12月末に行われる^{おおほらえ}大祓です。その際、6月末のものを「夏越しの^{なつご}祓」、12月末のものを「年越しの^{としこ}祓」とも言いますが、その12月末の行事が一般に広まり、年末の大掃除になりました。



Tổng vệ sinh là việc dọn dẹp toàn bộ nhà cửa vào cuối năm như một cách tổng kết lại sinh hoạt hàng ngày. Nguồn gốc của tập tục này là lễ **Đại Thanh Tẩy** diễn ra vào cuối tháng 6 và cuối tháng 12, một nghi lễ tôn giáo tẩy **uế**. Khi đó, lễ diễn ra vào cuối tháng 6 gọi là “Thanh tẩy cuối hè” và lễ diễn ra vào cuối tháng 12 gọi là “Thanh tẩy cuối năm”. Nghi lễ thực hiện vào cuối tháng 12 sau đó được phổ biến rộng rãi ra và đã trở thành tập tục tổng vệ sinh vào cuối năm.

◇ ^{こうはくうたがっせん} 紅白歌合戦

◇ Đêm nhạc Tất niên Kohaku Uta Gassen

紅白歌合戦は、12月31日夜に放送される^{うたばんぐみ}歌番組です。女性が^{あか}紅組、男性が白組になって勝敗を競います。紅（赤）と白の二色は、日本では祝い事の際に伝統的に使われる色の組み合わせです。紅白歌合戦は、昭和26年（1951年）から正月のラジオ放送として始り、昭和28年（1953年）からテレビとラジオで同時放送になって放送日が大晦日になりました。視聴率が約40%もある国民的番組です。



Kohaku Uta Gassen (gọi tắt là Kohaku) là chương trình ca nhạc được phát sóng vào đêm 31/12. Đây là một cuộc thi hát giữa 2 đội chơi gồm Nữ đại diện cho đội **Đỏ** và Nam đại diện cho đội **Trắng**. 2 màu đỏ và trắng là cặp màu truyền thống được sử dụng trong các sự kiện chúc mừng tại Nhật Bản. Kohaku Uta Gassen vốn là chương trình Radio Tết xuất hiện từ năm Showa 26 (năm 1951), kể từ năm Showa 28 (năm 1953) trở thành chương trình được phát đồng thời trên cả Radio và TV vào đêm giao thừa. Đây là chương trình quốc gia từng có tỷ lệ người xem lên đến 40%.